



CỤC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI
VIETNAM TRADE PROMOTION AGENCY

HỒ SƠ THỊ TRƯỜNG ẤN ĐỘ



Hà Nội, 2013

MỤC LỤC

Phần 1. Giới thiệu khái quát về thị trường Ấn Độ	4
1. Thông tin cơ bản	4
2. Điều kiện tự nhiên	4
3. Khí hậu	4
4. Xã hội	4
5. Thể chế và cơ cấu hành chính.....	5
5.1 <i>Thể chế</i>	5
5.2 <i>Cơ cấu hành chính</i>	6
6. Hệ thống pháp luật	6
7. Lịch sử	6
8. Văn hóa.....	6
9. Giáo dục.....	7
10. Ngày nghỉ và lễ Tết	8
Phần 2. Tình hình phát triển kinh tế, thương mại và đầu tư.....	9
1. Kinh tế	9
1.1 <i>Tổng quan tình hình phát triển kinh tế</i>	9
1.2. <i>Các ngành kinh tế trọng điểm</i>	9
2. Thương mại.....	12
3. Đầu tư	13
3.1 <i>Môi trường đầu tư</i>	13
3.2 <i>Tình hình đầu tư</i>	13
4. Cơ sở hạ tầng kinh tế.....	14
5. Các chỉ số kinh tế, thương mại và đầu tư cơ bản.....	14
6. Quan hệ quốc tế.....	15
Phần 3. Quan hệ hợp tác Việt Nam – Ấn Độ	16
1. Quan hệ ngoại giao.....	16
2. Quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại.....	17
3. Hợp tác đầu tư và phát triển.....	19
3.1 <i>Hợp tác đầu tư</i>	19
3.2 <i>Hợp tác phát triển</i>	20
Phần 4. Một số điều cần biết khi kinh doanh với Ấn Độ.....	22
1. Chính sách xuất nhập khẩu	22
2. Các quy định về xuất nhập khẩu	22
2.1 <i>Chứng từ nhập khẩu</i>	22
2.2 <i>Các mặt hàng hạn chế nhập khẩu</i>	25
2.3 <i>Kiểm soát nhập khẩu</i>	25
2.4 <i>Các mặt hàng cấm nhập khẩu</i>	25
2.5 <i>Tạm nhập</i>	25
2.6 <i>Một số hướng dẫn khác về chính sách hải quan</i>	26
3. Chính sách thuế và thuế suất	27
3.1 <i>Chính sách thuế giữa các bang và liên bang</i>	27
3.2 <i>Một số loại thuế chính</i>	27

4. Bao gói, ký mã hiệu và nhãn mác	30
5. Qui định về kiểm dịch động thực vật	31
6. Quyền sở hữu trí tuệ	31
7. Khu chế xuất	32
8. Thành lập doanh nghiệp	32
8.1. Văn phòng đại diện	32
8.2. Văn phòng dự án	33
8.3. Văn phòng chi nhánh	33
8.4. Công ty trách nhiệm hữu hạn	33
9. Văn hóa kinh doanh	33
10. Một số điểm cần lưu ý khác	36
Phần 5. Địa chỉ hữu ích	37
Một số website hữu ích	38
Tài liệu tham khảo	39

Phần 1. Giới thiệu khái quát về thị trường Ấn Độ

1. Thông tin cơ bản

Tên chính thức: Nước cộng hòa Ấn Độ
Vị trí địa lý: Nằm ở phía Nam Châu Á
Thủ đô: New Delhi
Diện tích: 3.287.590 km²
Dân số: 1.272.615.650 người (15/5/2013)

Ngôn ngữ: tiếng Hindu và tiếng Anh
Đơn vị tiền tệ: đồng Rupi Ấn Độ
Ngày Độc lập: 15/8/1947
Ngày Cộng hoà (Quốc khánh): 26/1/1950

2. Điều kiện tự nhiên

Vị trí địa lý: Ấn Độ nằm ở phía Nam châu Á.

Giáp giới:

- Phía Bắc giáp Trung Quốc, Nê-pan và Bu-tan.
- Phía Đông Bắc giáp Myanmar, Băng-la-đét.
- Phía Tây Bắc giáp Pa-ki-stan và Af-gha-ni-stan.
- Phía Tây, Đông và Nam là Ấn Độ dương bao bọc

Diện tích: 3.287.590 km². trong đó:

- Diện tích đất: 2.973.190 km²
- Diện tích mặt nước: 314.400 km²

Tài nguyên thiên nhiên: than đá (trữ lượng lớn thứ 4 thế giới), quặng sắt, mangan, khoáng chất mica, boxit, quặng titan, crom, khí gas tự nhiên, kim cương, dầu mỏ, đá vôi, đất trồng trọt.

3. Khí hậu

Khí hậu Ấn Độ biến đổi từ nhiệt đới ở phía nam đến ôn hoà ở phía bắc, các vùng phía bắc có độ cao lớn thường có tuyết rơi trong thời gian dài. Khí hậu Ấn Độ bị ảnh hưởng lớn từ dãy Himalaya và Sa mạc Thar. Núi Himalaya, cùng với dãy núi Hindu Kush ở Pakistan, là một tấm chắn tự nhiên ngăn gió lạnh từ Trung Á thổi đến. Chúng khiến cho đa phần lục địa Ấn Độ ấm hơn hầu hết các nơi khác có cùng vĩ độ. Sa mạc Thar khiến gió mùa tây nam mang theo nhiều hơi ẩm vào trong lục địa Ấn Độ gây ra mưa từ tháng 6 tới tháng 9.

4. Xã hội

(Số liệu ước tính năm 2013- Nguồn: www.cia.gov)

Dân số : Tổng số dân: 1.272.615.650 người (15/5/2013)

Nam: 657.085.061 người

Nữ: 615.530.599 người
Cơ cấu dân số: 94 nữ trên 100 nam giới
Cấu trúc dân số:
0-14 tuổi: 29,7%,
15-64 tuổi: 64,9%,
Trên 65 tuổi: 5,5%
Tốc độ gia tăng dân số: 1,34%

Tỷ lệ sinh: 21,34 trẻ/1.000 dân
Tỷ lệ tử: 7,53 người/1.000 dân

Tuổi thọ trung bình: 66,46 tuổi

- Tuổi thọ trung bình đối với nam: 65,46 tuổi
- Tuổi thọ trung bình đối với nữ: 67,57 tuổi

Dân tộc:

- Gốc Ấn Độ - Aryan: 72%
- Gốc Dravidian: 25%
- Gốc Môngloid và các gốc khác: 3%

Tôn giáo: Ấn Độ không có quốc đạo. Có sáu tôn giáo chính: trên 80% dân số theo Ấn Độ giáo, 13% theo Hồi giáo, 2% theo Thiên chúa giáo, 2% theo Đạo Sikh; khoảng 1% theo đạo Thiên (Jainism); 0,75 % theo Phật giáo.

Ngôn ngữ: Mười chín thứ tiếng ở Ấn Độ được Hiến pháp công nhận là ngôn ngữ chính. Tiếng Hindi là ngôn ngữ chính thức làm việc của Nhà nước liên bang và được 41% dân số sử dụng. Tiếng Anh là ngôn ngữ giao tiếp, được sử dụng rộng rãi.

5. Thể chế và cơ cấu hành chính

5.1 Thể chế

Nhà nước Ấn Độ được tổ chức theo hình thức liên bang và theo chế độ dân chủ đại nghị. Ấn Độ có ba nhánh chính phủ: Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp ở các cấp độ bang và quốc gia.

Hành pháp:

- Đứng đầu nhà nước: Tổng thống. Tổng thống là người có quyền hành pháp lớn nhất. Tổng thống có nhiệm kỳ 5 năm.
- Đứng đầu chính phủ là Thủ tướng.
- Nội các chính phủ được chỉ định bởi tổng thống trên cơ sở có sự giới thiệu của thủ tướng.

Lập pháp: Quốc hội liên bang gồm 2 viện: Thượng viện (Rajya Sahba) và Hạ viện (Lok Sahba).

Tư pháp: Tòa án tối cao.

5.2 Cơ cấu hành chính

Cơ cấu hành chính của Ấn Độ gồm 29 bang và 7 vùng lãnh thổ. Trong đó các bang có quyền tự trị và quyền quản lý của riêng mình, các luật quốc gia có quyền lực cao hơn các luật pháp của bang.

Thủ đô: New Delhi.

6. Hệ thống pháp luật

Hệ thống pháp luật của Ấn Độ được xây dựng và phát triển dựa trên hệ thống thông luật (common law) của Anh; đồng thời, Ấn Độ cũng có những bộ luật dân sự riêng để áp dụng cho những nhóm người theo đạo Hồi, đạo Thiên chúa và đạo Hindu.

7. Lịch sử

Ấn Độ có trên 5000 năm lịch sử, là một trong những cái nôi văn minh của loài người. Triều đại Ashoka (273-323 sau công nguyên) là thời kỳ hưng thịnh nhất của lịch sử cổ đại Ấn Độ, lãnh thổ Ấn được mở rộng gần như ngày nay. Từ cuối thế kỷ 15, người Châu Âu bắt đầu đến Ấn Độ. Đầu tiên là Bồ Đào Nha, đặt trung tâm tại Goa, tiếp đến là Hà Lan đặt một số cơ sở thương mại tại Ấn Độ, sau đó là Pháp và Anh. Năm 1858, Anh chiếm toàn bộ tiểu lục địa Ấn Độ.

Anh trao trả độc lập cho Ấn Độ ngày 15/8/1947. Ngày 26/1/1950, Ấn Độ tuyên bố thành lập nước Cộng hoà.

8. Văn hóa

Ấn Độ có một di sản văn hóa phong phú và mang những đặc trưng duy nhất. Người Ấn Độ luôn tìm cách giữ gìn những truyền thống văn hóa của mình trong khi vẫn hấp thu các phong tục, truyền thống và tư tưởng từ cả phía những kẻ xâm lược và những người dân nhập cư. Nhiều hoạt động văn hoá, ngôn ngữ, phong tục và các công trình là những ví dụ cho sự đan xen văn hóa. Những công trình nổi tiếng ở Ấn Độ như Taj Mahal và các công trình kiến trúc có ảnh hưởng Hồi giáo là di sản từ triều đại Mughal.

Âm nhạc Ấn Độ được thể hiện ở rất nhiều hình thức. Hai hình thức chính của âm nhạc cổ điển là Carnatic từ Nam Ấn, và Hindustai từ Bắc Ấn. Các hình thức phổ thông của âm nhạc cũng rất phổ biến, nổi tiếng nhất là âm nhạc Filmi. Ngoài ra còn có nhiều truyền thống khác nhau về âm nhạc dân gian từ mỗi nơi trên đất nước. Có nhiều hình thức nhảy múa cổ điển hiện diện, gồm Bharatanatyam, Kathakali, Kathak và Manipuri, thường ở hình thức tường thuật và lẫn với những yếu tố sùng đạo và tinh thần.

Văn học: Truyền thống văn học sớm nhất Ấn Độ là hình thức truyền miệng, và sau này mới ở hình thức ghi chép. Đa số chúng là các tác phẩm linh thiêng như (kinh) và các sử thi Mahabharata và Ramayana. Văn học Sangam từ Tamil Nadu thể hiện một trong những truyền thống lâu đời nhất Ấn Độ. Đã có nhiều nhà văn Ấn Độ hiện đại nổi tiếng,

cả với các tác phẩm bằng tiếng Ấn Độ và tiếng Anh. Nhà văn Ấn Độ duy nhất đoạt giải Nobel văn học là nhà văn dùng tiếng Bengal Rabindranath Tagore.

Điện ảnh: Ấn Độ cũng là nước sản xuất ra số lượng phim hàng năm cao nhất thế giới. Vùng sản xuất chính nằm tại Mumbai, cho ra lò hầu như tất cả phim thương mại Ấn Độ, thường được gọi là "Bollywood". Cũng có một số lượng lớn tác phẩm điện ảnh sử dụng tiếng Kannada, tiếng Malayalam, tiếng Tamil, tiếng Telugu và tiếng Bengal.

Các hoạt động tôn giáo theo nhiều đức tin khác nhau là một phần không thể thiếu trong đời sống xã hội Ấn Độ. Giáo dục được coi trọng bởi mọi thành viên ở mọi giai cấp. Các giá trị gia đình truyền thống Ấn Độ đã phát triển để đạt tới một hệ thống gia đình hạt nhân, bởi vì những hạn chế về kinh tế xã hội của hệ thống gia đình liên kết truyền thống cũ. Tôn giáo ở Ấn Độ là một vấn đề công cộng, với nhiều hoạt động đã trở thành phô trương tráng lệ và cùng với nó là sự sút giảm các giá trị tinh thần.

Ẩm thực Ấn Độ rất đa dạng, về thành phần, hương vị và cách chế biến khác biệt theo từng vùng. Gạo và bột mì là hai thực phẩm chính của nước này. Ấn Độ nổi tiếng về số lượng các món chay và không chay. cuisine. Thực phẩm nhiều gia vị và đồ ngọt rất phổ biến ở Ấn Độ.

Trang phục truyền thống tại Ấn Độ khác biệt rất lớn theo từng vùng về màu sắc và kiểu dáng, và phụ thuộc trên nhiều yếu tố, bao gồm cả khí hậu. Các kiểu trang phục dân dã gồm sari truyền thống cho phụ nữ và dhoti truyền thống cho nam giới.

Thể thao: Môn thể thao được ưa chuộng nhất ở Ấn Độ là hockey trên cỏ, dù cricket hiện trên thực tế là một môn thể thao quốc gia, đặc biệt phía đông bắc, bóng đá là môn thể thao dân dã nhất và được theo dõi đông đảo. Những năm gần đây tennis cũng trở nên phổ biến ở Ấn Độ. Ấn Độ cũng nổi tiếng về cờ vua, với những kỳ thủ ở tầm vóc quốc tế như Vishwanathan Anand. Các môn thể thao truyền thống địa phương như kabaddi và gillidanda, được thi đấu ở hầu hết mọi nơi trong nước.

9. Giáo dục

Giáo dục bậc cao tại Ấn Độ như đào tạo đại học bao gồm ba hoặc bốn năm, sau khi đã hoàn thành 12 năm học phổ thông. Sinh viên nước ngoài có thể tham dự các khoá đào tạo Cao học hoặc các chương trình Sau Đại học kéo dài trong khoảng 2 năm sau khi đã tốt nghiệp Đại học. Với một số sinh viên đã tốt nghiệp Cao học cũng có thể tiếp tục theo các khoá học bậc Tiến sĩ tại Ấn Độ.

Thế mạnh giáo dục đại học Ấn Độ ở mạng lưới hùng hậu bao gồm 251 trường Đại học, hơn 8000 trường Cao đẳng trực thuộc các trường Đại học này, và với gần 5 triệu sinh viên theo học mỗi năm. Tiếng Anh là ngôn ngữ được sử dụng trong tất cả các trường học mà đây là lợi thế cho các sinh viên nước ngoài nắm bắt được các vấn đề chuyên môn và rèn luyện tốt để có thể trở thành những chuyên gia. Các khoá học và hệ thống giáo dục ở Ấn Độ được công nhận trên toàn thế giới và chi phí học tập tại Ấn Độ là phải chăng hơn so với các nước khác trên thế giới.

Chất lượng giáo dục của Ấn Độ do Ủy Ban Quốc Gia và Tuyển Sinh, Ủy Ban Quốc Gia về Đánh Giá và Công nhận Chất Lượng Giáo Dục và Hiệp hội các Trường Đại học Ấn Độ giám sát.

Trong lĩnh vực Công Nghệ Thông Tin, một lĩnh vực mạnh khác của Ấn Độ trong những năm gần đây, Bộ Viễn Thông và Công Nghệ Thông Tin thuộc Chính Phủ Ấn Độ đã đề ra chuẩn mực tại các kỳ thi cho các sinh viên nước ngoài. Chính phủ Ấn Độ đã chấp nhận các sinh viên nước ngoài đến du học tại các trường Cao đẳng và các trường Đại học trong hầu hết các lĩnh vực.

10. Ngày nghỉ và lễ Tết

Ấn Độ có ba ngày nghỉ lễ quốc gia. Những ngày lễ khác, từ chín đến mười hai, gắn liền với các lễ hội, ngày lễ tôn giáo và ngày sinh các lãnh đạo được quy định theo từng bang.

- Ngày cộng hòa 26/1: Kỷ niệm ngày Hiến pháp Ấn Độ bắt đầu có hiệu lực từ năm 1950
- Ngày độc lập 15/8: Kỷ niệm ngày Ấn Độ giành lại độc lập từ Đế Quốc Anh năm 1947.
- Gandhi Jayanti 2/10 : Ngày sinh Mahatma Gandhi.

Phần 2. Tình hình phát triển kinh tế, thương mại và đầu tư

1. Kinh tế

1.1 Tổng quan tình hình phát triển kinh tế

Ấn Độ là một nước có diện tích rộng lớn, lao động dồi dào, tài nguyên thiên nhiên phong phú. Từ những năm 40 đến những năm 80, Ấn Độ chủ trương tự cung tự cấp với mô hình kinh tế tập trung, hướng nội. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng trung bình 3,5%.

Từ năm 1991, Ấn Độ tiến hành cải cách, áp dụng mô hình kinh tế mới mở cửa, dựa nhiều hơn vào dịch vụ và tri thức để phát triển công nghệ thông tin (IT), coi đây là đầu tàu cho toàn bộ nền kinh tế. Năm 2008, khu vực dịch vụ đóng góp tới 56% GDP, công nghiệp 22% và nông nghiệp 18,5%. Năm 2007-2008, Tổng GDP đạt khoảng 1,16 nghìn tỷ USD, tăng trưởng GDP đạt 9%, xuất khẩu đạt 159 tỷ USD (tăng 25,8%), nhập khẩu đạt 239,65 tỷ USD (tăng 29%), FDI đạt 32,44 tỷ USD, dự trữ ngoại tệ đạt 249,3 tỷ USD (đến tháng 2/2009). Ấn Độ đang mạnh mẽ vươn lên trở thành một cường quốc kinh tế ở khu vực.

Năm 2009 tăng trưởng GDP của Ấn Độ đạt 7,4% dù chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Tuy nhiên, năm 2010 chứng kiến sự phục hồi mạnh mẽ của kinh tế Ấn Độ- phần lớn là do nhu cầu trong nước tăng mạnh mẽ- và tăng trưởng vượt quá 8% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên trong năm 2011, tăng trưởng kinh tế của Ấn Độ đã tăng trưởng chậm lại do sự sụt giảm chi tiêu của Chính phủ và việc giảm đầu tư Giá dầu thô quốc tế cao đã làm trầm trọng thêm chi phí nhiên liệu trợ cấp của Chính phủ, góp phần làm thâm hụt ngân sách và tài khoản vãng lai xấu đi. Vào cuối năm 2012, Chính phủ Ấn Độ công bố cải cách bổ sung và các biện pháp giảm thâm hụt để đảo ngược sự suy giảm của Ấn Độ.

1.2. Các ngành kinh tế trọng điểm

Nông nghiệp

Nông nghiệp chiếm xấp xỉ 17,1% GDP của Ấn Độ trong năm 2011 và tạo công ăn việc làm cho khoảng 52% dân số trong độ tuổi lao động. Ấn Độ là một trong những nước chăn nuôi lớn nhất thế giới và cũng là nhà sản xuất hàng đầu thế giới về mía đường, chè và đậu. Ấn Độ cũng là một trong những nhà sản xuất rau quả, lúa mì, gạo, sữa và gia vị lớn nhất thế giới.

Công nghiệp thực phẩm Ấn Độ đã thu được lợi nhuận gia tăng một phần từ các doanh nghiệp quy mô nhỏ. Tuy nhiên nhu cầu thức ăn nhanh, sôcôla, đồ uống, sản phẩm từ sữa và các sản phẩm chế biến khác ngày một gia tăng theo mức thu nhập, do đó làm thay đổi thị hiếu và sở thích của người tiêu dùng.

Lúa mì đang trở thành loại ngũ cốc quan trọng của Ấn Độ. Cùng với sự gia tăng của mức thu nhập, lúa mì đang dần thay thế các loại ngũ cốc thô và trở thành một trong các mặt hàng chủ lực. Các hình thức liên kết tiếp thị các sản phẩm lúa mì như bột mì đã làm tăng lượng cầu của mặt hàng này. Các công ty đa quốc gia và các công ty lớn đã có khả năng

mở rộng mặt hàng lúa mì và các sản phẩm lúa mì sạch đóng gói cho các đại lý trên cả nước.

Trong khi nhu cầu về dầu thực vật gia tăng nhanh chóng tại Ấn Độ, việc sản xuất sản phẩm hạt có dầu lại bị trì trệ. Hiện nay dầu thực vật được nhập khẩu vào Ấn Độ nhiều hơn so với các mặt hàng thực phẩm khác. Các sản phẩm dầu ăn nhập khẩu phổ biến là dầu cọ, dầu đậu nành và dầu hướng dương.

Thị trường sản phẩm từ sữa chất lượng cao như sữa bột, váng sữa bột, bột, dầu bơ, bột sữa chua, đường sữa, các sản phẩm cung cấp năng lượng như sữa chua giàu vitamin ngày một phát triển.

Ấn Độ đang phát triển hệ thống bán lẻ có tổ chức trong các siêu thị và khu mua bán, đặc biệt ở miền Nam Ấn Độ.

Ngành công nghiệp dệt may

Ngành công nghiệp dệt may có vai trò sống còn trong nền kinh tế Ấn Độ. Sản xuất của ngành công nghiệp này chiếm 4% GDP và 20% đầu ra của nền công nghiệp, chiếm 15% kim ngạch xuất khẩu. Là ngành đứng thứ hai chỉ sau nông nghiệp, công nghiệp dệt may có số lượng lao động gần 38 triệu người, và là nhà sản xuất đứng thứ 2 trên thế giới về mặt hàng lụa và đứng trong danh sách 5 nước sản xuất vải sợi hàng đầu thế giới. Xuất khẩu sản phẩm dệt may của Ấn Độ đạt giá trị 34 tỷ USD vào năm 2011-2012, tăng 26% so với năm trước. Và Bộ Dệt may cho biết vừa đề xuất tăng mục tiêu xuất khẩu cho ngành này lên thành 41 tỷ cho năm tài khóa 2012-2013. Xuất khẩu đang được mong chờ sẽ tăng mạnh khi chính phủ tuyên bố tái cơ cấu các khoản nợ trị giá 350 tỷ rupee để cứu các nhà máy dệt túng tiền đã rơi tình trạng kẹt nợ do giá sản phẩm giảm đột ngột sau hai năm liên tiếp chi phí nguyên liệu không ngừng gia tăng.

Công nghệ thông tin

Ngành công nghiệp phần mềm

Ngành dịch vụ và phần mềm ở Ấn Độ được cả thế giới biết đến nhờ những giải pháp phần mềm chất lượng cao và giá rẻ. Do nhu cầu từ bên ngoài tăng cao, yêu cầu vốn đầu tư thấp, tỷ lệ lợi nhuận cao nên xuất khẩu phần mềm đã trở thành ngành công nghiệp đóng góp phần lớn vào sự tăng trưởng chung của công nghệ thông tin tại Ấn Độ. Ấn Độ chiếm khoảng 28% lực lượng lao động về IT và BPO (Business Process Outsourcing) thuộc các nước có chi phí sản xuất thấp. Nước này đã thành công rất lớn trong việc xây dựng các cơ sở hạ tầng để phục vụ công nghệ thông tin trong phạm vi toàn quốc. Các công ty sản xuất phần mềm của Ấn Độ đang nhắm tới mảng gia công trong nước do các thủ tục pháp lý đơn giản hơn. Những đổi mới về mặt kỹ thuật và công nghệ chuyển giao thông tin nhanh trên toàn cầu đã góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành gia công phần mềm trong nước. Gia công tại chỗ ở nước ngoài không mấy hấp dẫn với các công ty bởi họ phải làm thủ tục xin thị thực nhập cảnh cho các nhân viên của mình khi ra nước ngoài làm việc (đôi khi gặp nhiều khó khăn) và còn phải trả chi phí ăn ở và vận chuyển. Nhưng Ấn Độ cũng đang mở rộng các hoạt động sản xuất, gia công phần mềm sang các nước có chi phí không cao, môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi và tay nghề lao động khá.

Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho ngành công nghiệp phát triển và nâng cao uy tín của Ấn Độ trong việc xây dựng nền kinh tế với hàm lượng chất xám cao.

Năm 2009 xuất khẩu phần mềm và dịch vụ quản lý (BPO) của Ấn Độ tăng 5,5%, đạt 50 tỷ USD, thu nhập từ dịch vụ kỹ thuật vượt mức 10 tỷ USD.

Dự kiến, tổng thu nhập của ngành này sẽ đạt 225 tỷ USD vào năm 2020 và 50% khoản thu nhập này là xuất phát từ các lĩnh vực chưa được khai thác triệt để như khu vực công, chăm sóc y tế, thông tin đại chúng, các tiện ích và từ những nơi như Tây Á, Trung Quốc và Nhật Bản.

Ngành công nghiệp phần cứng và dịch vụ Internet

Theo báo cáo của Tập đoàn Dữ liệu Quốc tế (IDC), ngành công nghiệp phần cứng và dịch vụ Internet của Ấn Độ tăng trưởng doanh thu 24% trong năm 2008, đạt mức 27,9 tỷ USD. Theo IDC, ngành công nghiệp phần cứng và dịch vụ Internet của Ấn Độ năm 2008 đi vào "quỹ đạo tăng trưởng" mới.

Nền kinh tế đang bùng nổ của Ấn Độ, tăng trưởng bình quân 9%, sẽ thúc đẩy chi tiêu cho công nghệ thông tin (IT) khi các công ty nâng cấp hệ thống máy tính để cạnh tranh và người tiêu dùng truy cập Internet.

Do đồng nội tệ rupi tăng 12% so với đồng đô la Mỹ, xóa trắng doanh thu từ thị trường Mỹ (chiếm đến 2/3 doanh số xuất khẩu của Ấn Độ), các công ty IT lớn nhất của Ấn Độ như Tata Consultancy, Infosys và Wipro đang tìm sang các quốc gia khác và thị trường trong nước để đa dạng hóa rủi ro.

Năm 2009, thị trường IT nội địa Ấn Độ sẽ chuyên mình một cách mạnh mẽ, chủ yếu nhờ nhu cầu nội địa về những dịch vụ phức tạp lớn hơn.

Công nghiệp giải trí

Hiện nay Ấn Độ là một trong những nước có ngành công nghiệp phim ảnh hàng đầu thế giới. Các thông tin sau cho thấy mức độ và xu hướng phát triển của ngành công nghiệp này:

- Ấn Độ sản xuất hơn 70.000 phim truyện và hàng ngàn phim tài liệu ngắn bằng 52 thứ tiếng (bao gồm cả thổ ngữ).
- Nền công nghiệp điện ảnh Ấn Độ được dự đoán sẽ tăng trưởng 15% trong 5 năm tới.
- Ấn Độ chú trọng vào công nghệ sản xuất phim, thiết bị quay phim, sản xuất hậu kỳ và triển lãm sản phẩm.
- Gần 1.000 phim được sản xuất hàng năm với kinh phí trung bình 2,36 triệu USD cho mỗi phim với doanh thu tổng cộng 1,9 tỷ USD mỗi năm.
- Trên cả nước có hơn 20 triệu người xem phim hằng ngày tại 13.000 rạp.

Với việc đầu tư vào hơn 78 khu giải trí mới (khu giải trí, nhà hát, công viên nước) và 400 trung tâm giải trí gia đình, nền công nghiệp giải trí Ấn Độ rất có thể sẽ trở thành ngành công nghiệp tỷ đô trong thế kỷ 21.

Việc đầu tư vào công viên là một phần trong ngành công nghiệp giải trí, nhưng đã đảm bảo lượng đầu tư trên 30 triệu USD và có khả năng tăng trưởng 100% hằng năm trong 5 năm tới. Ngành công nghiệp giải trí phát triển mạnh ở các thành phố như Delhi, Chennai, Bangalore, Mumbai và Ahmedabad.

Nhiều câu lạc bộ thể thao, khu nghỉ dưỡng, nơi vui chơi giải trí đã được thiết lập ở các thành phố lớn. Các thiết bị thể thao như golf, cricket, bowling, trung tâm trò chơi điện tử, công viên nước và các trung tâm giải trí khác cũng đang phát triển mạnh.

Cơ hội kinh doanh trong ngành công nghiệp giải trí Ấn Độ tập trung ở việc thiết kế rạp chiếu bóng đa năng, xây dựng, quản lý và cung cấp các thiết bị viễn thông và phát thanh, quản lý xưởng phim và các thiết bị sản xuất phim ảnh hậu kỳ.

Ngành công nghiệp giải trí đang hứa hẹn một lĩnh vực đầu tư góp phần nâng cao thu nhập và điều kiện sống, đồng thời mở rộng mạng lưới khách hàng thuộc tầng lớp trung lưu, tạo ra một thị trường tiềm năng lớn. Cơ sở vật chất hiện nay chưa đủ để phục vụ mục tiêu 350 triệu khách hàng.

Nhiều công ty đang phát triển các loại hình giải trí đa chức năng bao gồm công viên, khu vui chơi giải trí, dịch vụ trò chơi điện tử, khu ăn uống và các khu đa chức năng.

Thị trường giải trí Ấn Độ cũng hứa hẹn cơ hội cho lĩnh vực công nghệ và thiết bị phục vụ các mục đích giải trí đặc biệt.

2. Thương mại

Trị giá xuất khẩu của Ấn Độ trong vòng 5 năm qua cho thấy Ấn Độ là nước nhập siêu. Năm 2009, Ấn Độ nhập 305,5 tỷ USD, và xuất 168,2 tỷ USD. Năm 2010, tổng kim ngạch thương mại là 528 tỷ USD, trong đó xuất khẩu chiếm 201 tỷ USD, nhập khẩu chiếm 327 tỷ USD. Trong năm 2011 nhập khẩu chiếm 490 tỷ USD, và xuất khẩu chiếm 305 tỷ USD. Riêng năm 2012, tổng kim ngạch thương mại là 809,4 tỷ USD tăng gần gấp đôi so với năm 2011, trong đó xuất khẩu chiếm 309,1 tỷ USD và nhập khẩu chiếm 500,3 tỷ USD.

Các mặt hàng xuất khẩu chính: sản phẩm từ dầu mỏ, hàng dệt may, ngọc và đồ trang sức, sản phẩm cơ khí, hóa chất, sản phẩm từ da thuộc. Các mặt hàng nhập khẩu chính: dầu thô, máy móc, ngọc, phân bón, hóa chất.

Đôi tác xuất khẩu: Mỹ 15%, Trung Quốc 8,7%, UAE 8,7%, Anh 4,4%. Đôi tác nhập khẩu: Trung Quốc 10,6%, Mỹ 7,8%, Đức 4,4%, Singapore 4,4%.

Chính phủ Ấn độ đang xem xét các biện pháp tránh suy giảm mạnh xuất khẩu trong bối cảnh khủng hoảng tài chính thế giới đang tác động mạnh lên kinh tế của nước này. Một trong các biện pháp sẽ được sử dụng là áp thuế chống bán phá giá với các hàng nhập

khẩu giá rẻ như hàng nhập từ Trung Quốc, tăng thuế nhập khẩu, áp đặt cơ chế kiểm soát định lượng (như đối với thép cuộn nóng) để hạn chế nhập khẩu và bảo vệ thị trường trong nước.

3. Đầu tư

3.1 Môi trường đầu tư

Từ đầu thập kỷ 1990, Ấn Độ đã dần mở cửa thị trường thông qua các biện pháp cải cách kinh tế bằng cách giảm bớt quản lý chính phủ đối với đầu tư nước ngoài bằng cách mở cửa một số lĩnh vực cho các nhà đầu tư tư nhân và nước ngoài.

Sự giám sát điều hành của chính phủ trong đầu tư đã giảm xuống ở một số lĩnh vực, tuy nhiên sự hạn chế trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài vẫn còn tồn tại ở đất nước này. Năm 2005 chính phủ Ấn Độ đã thực hiện chính sách tự do hóa đầu tư trong lĩnh vực hàng không dân dụng, viễn thông và xây dựng. Về cơ bản, tư nhân hóa trong các ngành do nhà nước quản lý đã tạm dừng trong năm 2005 do phát sinh tranh chấp chính trị; những khó khăn về kinh tế, chính trị và xã hội.

3.2 Tình hình đầu tư

Tình hình đầu tư nước ngoài vào Ấn Độ

Tổng lượng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đổ vào Ấn Độ tính đến hết năm 2012 là 256,6 tỷ USD. Các nước dẫn đầu trong đầu tư vào Ấn Độ là: Mauritius, Singapore, Mỹ, Anh, Hà Lan, Nhật Bản, Đức, Syprus, Pháp và UAE.

FDI tập trung vào các ngành chính: dịch vụ (tài chính và phi tài chính), viễn thông, xây dựng, bất động sản, ô tô, điện, luyện kim, hóa dầu và ga, hóa chất.

Nền kinh tế Ấn Độ đã và đang phát triển rất ngoạn mục, hiện được đánh giá là nước có tiềm năng phát triển ổn định, bền vững và có sức thu hút FDI lớn nhất trong các nước đang phát triển, vượt qua cả Trung Quốc.

Tình hình đầu tư ra nước ngoài của Ấn Độ

Cùng với việc thu hút đầu tư của nước ngoài vào trong nước, các doanh nghiệp Ấn Độ cũng tích cực trong việc đầu tư ra nước ngoài trong những lĩnh vực mà Ấn Độ có thế mạnh là công nghệ thông tin, sản phẩm cơ khí, hóa chất... Những thị trường đầu tư chính của Ấn Độ chủ yếu là các nước khu vực Trung Đông và Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam.

Tổng vốn đầu tư của Ấn Độ hiện có tại nước ngoài (tính đến tháng 12/2012) là 121,3 tỷ USD. Theo báo cáo công bố của Ngân hàng thế giới nói rằng đến năm 2030, hai nước Trung Quốc và Ấn Độ sẽ có nhiều nguồn vốn và trở thành hai nhà đầu tư lớn nhất thế giới.

Bảng đầu tư của Ấn Độ trong những năm gần đây*Dvt: tỷ USD*

Năm	2008	2009	2010	2011	2012
Đầu tư của nước ngoài	144,2	157,9	191,1	232,7	256,6
Đầu tư ra nước ngoài	58,18	76,62	89,04	106,3	121,3

4. Cơ sở hạ tầng kinh tế**Thông tin liên lạc**

- Điện thoại cố định: 32,685 triệu
- Điện thoại di động: 893,862 triệu
- Số website: 4,536 triệu
- Số người sử dụng Internet: 61,338 triệu

Giao thông vận tải

Đường ống khí ngưng tụ 9 km; khí gas 7.488 km; khí gas hóa lỏng 1.861 km; dầu thô 7.883 km; sản phẩm chưng cất 6.422 km

- Sân bay: 352; 251 sân bay có đường băng trải nhựa , 101 sân bay có đường băng không trải nhựa ,41 sân bay trực thăng
- Đường sắt: 63.974 km
- Đường bộ: 3.320.410 km
- Đường thủy: 14.500 km (trong đó 5.200 km là trên các nhánh sông chính và 485 km trên hệ thống các kênh đào cho máy tàu thủy lớn)
- Tàu biển: 340 (1000GRT hoặc hơn) 8.272.533 GRT/14.117.658 DWT
- Cảng, hải cảng chính: Chennai, Haldia, Jawaharal Nehru, Kandla, Kolkata (Calcutta), Mormugao, Mumbai (Bombay), New Mangalore, Vishakhapatnam

Nguồn: www.cia.gov

5. Các chỉ số kinh tế, thương mại và đầu tư cơ bản

GDP ngang giá sức mua: 4.761 tỷ USD

GDP theo tỷ giá chính thức: 1.825 tỷ USD

Tăng trưởng GDP: 6,5%

GDP bình quân đầu người: 3.900 USD

GDP đóng góp theo ngành:

- Nông nghiệp: 17,4%
- Công nghiệp: 26,1%
- Dịch vụ: 56,5% (ước 2012)

Lực lượng lao động: 486,6 triệu người

Lực lượng lao động phân bổ theo lĩnh vực:

- Nông nghiệp: 53%
- Công nghiệp: 19%
- Dịch vụ: 28%

Tỷ lệ thất nghiệp: 8,5% (ước 2012)

Thu chi ngân sách: Thu 169,4 tỷ USD; Chi 267,7 tỷ USD

Nợ công: 49,6% của GDP

Tỷ lệ lạm phát: 9,3%

Tăng trưởng sản xuất công nghiệp: 3,1%

Kim ngạch xuất khẩu: 298,4 tỷ USD (ước 2012)

Kim ngạch nhập khẩu: 500,4 tỷ USD (ước 2012)

Dự trữ ngoại tệ và vàng: 297,8 tỷ USD

Tổng vốn đầu tư hiện có tại nước ngoài (tính đến tháng 12/2012): 117,5 tỷ USD

Tổng vốn nước ngoài hiện đang đầu tư tại Ấn Độ (tính đến tháng 12/2012): 229,2 tỷ USD

(Số liệu 2012. Nguồn: www.cia.gov)

6. Quan hệ quốc tế

Từ ngày giành được độc lập, Ấn Độ chủ trương xây dựng phát triển đất nước theo con đường độc lập dân tộc và tự lực tự cường, thi hành chính sách đối ngoại hoà bình, không liên kết, hữu nghị với tất cả các nước. Ấn Độ có vai trò và tiếng nói quan trọng ở Liên hợp quốc và các diễn đàn khu vực và quốc tế. Sau chiến tranh lạnh, Ấn Độ thực hiện chính sách đa dạng hoá quan hệ, trong đó coi trọng quan hệ với các nước láng giềng, cân bằng quan hệ giữa các nước lớn, coi trọng đẩy mạnh quan hệ với Mỹ và thực hiện chính sách "Hướng Đông"; phấn đấu trở thành Uỷ viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc mở rộng.

Ấn Độ tham gia các tổ chức quốc tế và khu vực: ADB, AfDB (thành viên không chính thức), ARF, AsDB, ASEAN (đối tác đối thoại), BIMSTEC, BIS, C, CERN (với tư cách là quan sát viên), CP, EAS, FAO, G-15, G-24, G-77, IAEA, IBRD, ICAO, ICC, ICFTU, ICRM, IDA, IFAD, IFC, IFRCS, IHO, ILO, IMF, IMO, Interpol, IOC, IOM (quan sát viên), ISO, ITU, MIGA, MONUC, NAM, OAS (quan sát viên), ONUB, OPCW, PCA, PIF (đối tác), SAARC, SACEP, SCO (quan sát viên), UN, UNCTAD, UNESCO, UNHCR, UNIDO, UNIFIL, UNMEE, UNMIS, UNMOVIC, UNOCI, UPU, WCL, WCO, WFTU, WHO, WIPO, WMO, WTO.

Phần 3. Quan hệ hợp tác Việt Nam – Ấn Độ

1. Quan hệ ngoại giao

Năm 1954, Ấn Độ mở Tổng Lãnh sự quán tại Hà Nội. Năm 1956, Việt Nam lập Tổng lãnh sự quán tại Niu Đê-li. Ngày 07/01/1972, hai nước nâng quan hệ lên cấp Đại sứ.

Quan hệ chính trị phát triển tốt đẹp và hai nước đã trao đổi nhiều đoàn cấp cao. Trong chuyến thăm của tổng Bí thư Nông Đức Mạnh thăm Ấn Độ (2003), hai bên đã ký Tuyên bố chung về Khuôn khổ hợp tác toàn diện giữa hai nước bước vào thế kỷ 21.

Đặc biệt, từ ngày 4 – 6/7/2007, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng thực hiện chuyến thăm cấp Nhà nước tới Ấn Độ. Nhân dịp này, hai nước đã ký Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Ấn Độ và nhiều văn kiện hợp tác khác, góp phần quan trọng đưa quan hệ Việt - Ấn lên một tầm cao mới.

Quan hệ chính trị phát triển tốt đẹp và hai nước đã trao đổi nhiều đoàn cấp cao.

Phía Việt Nam thăm Ấn Độ có: Thủ tướng Phạm Văn Đồng (1978 và 1980), Tổng Bí thư Lê Duẩn (1984), Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh (1989), Tổng Bí thư Đỗ Mười (1992), Chủ tịch Quốc hội Việt Nam thăm Ấn Độ (1994), Thủ tướng Võ Văn Kiệt (1997), Chủ tịch nước Trần Đức Lương (1999), Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh (2003) và Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (7/2007), Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan thăm Ấn Độ (2009). Trong chuyến thăm của TBT Nông Đức Mạnh, hai nước đã ký “Tuyên bố chung về Khuôn khổ hợp tác toàn diện giữa hai nước bước vào thế kỷ XXI”. Trong chuyến thăm của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, hai bên ký Tuyên bố chung chính thức thiết lập quan hệ đối tác chiến lược giữa hai nước. Tháng 1/2011, Việt Nam dự hội nghị cấp cao khu vực Đông Bắc Ấn Độ. Tháng 10/2011, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang thăm Cộng hòa Ấn Độ. Phó thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân thăm, làm việc tại Bangalore, Ấn Độ (3/2012). Tháng 1/2013, Phó thủ tướng Vũ Văn Ninh tới thăm Ấn Độ.

Phía Ấn Độ thăm ta có: Tổng thống Rajendra Prasad (1959), Thủ tướng R.Gandhi (1985 và 1988), Tổng thống R. Venkatraman (1991), Phó Tổng thống K.R. Narayanan (1993), Thủ tướng P.V. Narasimha Rao (1994), Thủ tướng A.B. Vajpayee (1/2001), Chủ tịch Quốc hội Somnath Chatterjee (3/2007), Tổng thống Pratibha Patil (2008). Tháng 5/2011 Chủ tịch Hạ viện Ấn Độ thăm thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 9/2011, Bộ trưởng Bộ ngoại giao Ấn Độ S.M Krishna thăm chính thức Việt Nam. Tháng 3/2012, Bộ trưởng Bộ Thương mại, Công nghiệp và dệt Ấn Độ Anand Sharma sang Việt Nam, 19/07/2012, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang tiếp Thứ trưởng kiêm giám đốc hội đồng các vấn đề thế giới Ấn Độ. Tháng 10/2012, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Ấn Độ sang thăm Việt Nam. Phó tổng thống Ấn Độ đến thăm Việt Nam (tháng 1/2013).

Cho đến nay, hai nước đã ký các Hiệp định Thương mại, Tránh đánh thuế hai lần, Khuyến khích và bảo hộ Đầu tư, Lãnh sự, Hợp tác Văn hóa, Hàng không, Du lịch, Tương trợ tư pháp về hình sự...; đã ký các Thỏa thuận về Tham khảo chính trị giữa hai Bộ Ngoại giao, Hợp tác về Mỏ và Địa chất, Môi trường, Y học dân tộc và Nghị định thư về hợp tác

quốc phòng. Tại Cấp cao ASEAN 15 tháng 10/2009 tại Hua Hin, Thái Lan, hai nước ký Bản ghi nhớ công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường đầy đủ (MES).

2. Quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại

Năm 1982, hai nước lập Ủy ban Hỗn hợp về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật (UBHH). Đây là cơ chế quan trọng giúp hai bên trao đổi và thúc đẩy các lĩnh vực hợp tác khác nhau, trong đó có việc xây dựng Chương trình hành động 3 năm 1 lần. Đến nay, UBHH đã họp 13 kỳ. Tháng 2/2007, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Gia Khiêm thăm chính thức Ấn Độ kết hợp họp UBHH 13.

Quan hệ kinh tế thương mại giữa Việt Nam - Ấn Độ những năm gần đây đã có những bước phát triển đáng kể với mức tăng 20-30% hàng năm. Đặc biệt năm 2008, kim ngạch thương mại hai chiều đã vượt mục tiêu 2 tỷ USD mà hai nước đề ra cho năm 2010. Riêng năm 2009, mặc dù chịu ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu nhưng tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước vẫn đạt mức 2,055 tỷ USD, trong đó Việt Nam xuất khẩu sang Ấn Độ được 420 triệu USD (tăng 9% so với năm 2008), và nhập khẩu từ Ấn Độ đạt 1,635 tỷ USD.

Tính đến tháng 12 năm 2010, xuất khẩu của Việt Nam sang Ấn Độ đạt 991,629 triệu USD, và Ấn Độ xuất khẩu sang Việt Nam 1,762 tỷ USD sang Việt Nam. Riêng năm 2011, Việt Nam nhập 2,346 tỷ USD và xuất 1,553 tỷ USD sang Ấn Độ. Trong năm 2012, tổng thương mại của hai nước là 3,942 tỷ USD trong đó Việt Nam xuất khẩu sang Ấn Độ 1,782 tỷ USD và nhập khẩu 2,160 tỷ USD. Thương mại song phương Việt Nam- Ấn Độ 3 tháng đầu năm 2013: Căn cứ vào số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam, thương mại song phương Việt Nam- Ấn Độ trong tháng 3 năm 2013 đạt 588 triệu USD, tăng trưởng 94,3% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó xuất khẩu đạt 240 triệu USD, tăng trưởng 105% và nhập khẩu 348 triệu USD, tăng 87,2%. Như vậy thương mại song phương Việt Nam - Ấn Độ trong 3 tháng đầu năm 2013 đạt 1.307 tỷ USD, tăng trưởng 40,2% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó xuất khẩu đạt 533 triệu USD, tăng trưởng 59,3% và nhập khẩu 774 triệu USD, tăng 29,5%. Thâm hụt cán cân thương mại trong quý I/2013 giảm 8,3%. Riêng trong tháng 4, Việt Nam nhập 1,024 tỷ USD và xuất 780 triệu USD sang Ấn Độ.

Những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Ấn Độ sang Việt Nam là: Thức ăn gia súc, điện thoại di động, máy móc thiết bị, tân dược, chất dẻo nguyên liệu, sắt thép và kim loại các loại khác, nguyên phụ liệu dược phẩm, nguyên phụ liệu dệt may và da, vải các loại, thuốc trừ sâu ... Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang Ấn Độ là: than đá, hạt tiêu, linh kiện điện tử, cao su, quế, máy móc và thiết bị, thép, sợi, giày dép...

Việt Nam là bạn hàng của Ấn Độ chủ yếu trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, nông nghiệp, chế biến thực phẩm, đường sắt, năng lượng và năng lượng thay thế. Ngoài ra, Ấn Độ còn hợp tác với Việt Nam trong đào tạo công nghệ thông tin, sản xuất và truyền tải điện.

**Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chính của Việt Nam sang Ấn Độ năm 2012
và 4 tháng đầu năm 2013**

STT	Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Trị giá (USD)	
			Năm 2012	4 T/2013
1	Hàng thủy sản	Tấn	15.134.946	3.824.729
2	Hạt điều	Tấn	17.049.488	10.626.877
3	Cà phê	Tấn	57.750.215	31.453.785
4	Chè	Tấn	1.179.704	654.792
5	Hạt tiêu	Tấn	38.397.672	16.420.626
6	Than đá	USD	38.929.272	1.326.000
7	Quặng và khoáng sản khác	USD	1.208.300	98.046
8	Hóa chất	Tấn	57.464.735	18.559.874
9	Sản phẩm hóa chất	USD	22.712.615	9.076.389
10	Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	16.368.265	1.225.283
11	Sản phẩm từ chất dẻo	USD	12.435.977	3.898.757
12	Cao su	USD	211.568.396	28.247.241
13	Sản phẩm từ cao su	USD	1.599.972	907.274
14	Gỗ và sản phẩm gỗ	USD	48.250.717	16.013.459
15	Xơ, sợi dệt các loại		35.907.600	18.645.548
16	Hàng dệt, may		20.207.191	7.358.253
17	Giày dép các loại		26.091.215	9.887.555
18	Sắt thép các loại	Tấn	42.447.020	6.019.434
19	Sản phẩm từ sắt thép	USD	28.839.034	7.409.520
20	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD	159.543.534	64.868.406
21	Điện thoại các loại và linh kiện		469.103.780	385.504.091
22	Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	USD	238.634.138	54.033.435
23	Phương tiện vận tải và phụ tùng	USD	28.997.667	9.134.602

**Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng chính của Việt Nam từ Ấn Độ
năm 2012 và 4 tháng đầu năm 2013**

STT	Mặt hàng chủ yếu	ĐVT	Trị giá (USD)	
			Năm 2012	4T/2013
1	Hàng thủy sản	USD	58.248.126	14.801.019
2	Ngô	USD	329.783.385	166.393.910
3	Dầu mỡ động thực vật	USD	3.955.978	2.193.597
4	Thức ăn gia súc và nguyên liệu	USD	284.653.612	226.105.309
5	Nguyên phụ liệu thuốc lá	USD	33.627.024	11.022.859
6	Sản phẩm khác từ dầu mỡ	USD	20.313.461	10.819.226
7	Hóa chất	USD	72.543.596	17.671.043
8	Sản phẩm hóa chất	USD	501.495	12.619.842
9	Nguyên phụ liệu dược phẩm	USD	49.789.844	15.545.843
10	Dược phẩm	USD	235.757.494	75.004.122
11	Phân bón các loại	Tấn	9.637.089	3.380.499
12	Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	USD	37.211.105	13.785.638
13	Chất dẻo nguyên liệu	Tấn	110.989.510	36.610.227
14	Sản phẩm từ chất dẻo	USD	11.641.454	2.713.692
15	Sản phẩm từ cao su	USD	4341.081	1.198.143
16	Giấy các loại	Tấn	154.753.799	6.097.553

	Sản phẩm từ giấy		394.729	172.972
17	Bông các loại	Tấn	110.507.331	101.665.599
18	Xơ, sợi dệt các loại	Tấn	53.467.251	26.600.265
19	Vải các loại	USD	43.247.091	16.796.369
20	Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	USD	79.028.719	23.528.363
	Đá quý, kim loại quý và sản phẩm		8.540.113	2.926.360
21	Sắt thép các loại	Tấn	81.026.960	89.980.152
22	Sản phẩm từ sắt thép	USD	21.650.502	5.188.259
23	Kim loại thường khác	Tấn	73224729	25.054.573
24	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	USD	3.299.35	1.055.518
25	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	USD	120.492.771	54.190.887
	Ô tô nguyên chiếc các loại		23.986.511	3.602.760
26	Linh kiện, phụ tùng ô tô	USD	20.088.337	5.066.907

(Nguồn: Tổng cục Hải Quan)

Việt Nam và Ấn Độ là hai nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao hàng đầu ở châu Á. Tiềm năng hợp tác trên các lĩnh vực, nhất là thương mại là rất lớn. Việt Nam có thế mạnh về thủy sản, hàng thủ công, chế biến thực phẩm và dệt may. Ấn Độ có thể đề nghị hợp tác trong các lĩnh vực dược phẩm, sản xuất thức ăn gia súc, chế tạo linh kiện ô tô và đồ nhựa.

Với lợi thế về quan hệ chính trị và tiềm năng kinh tế to lớn của 2 nước, dự kiến tổng kim ngạch buôn bán song phương sẽ đạt 3.000 triệu USD vào năm nay và 5.000 triệu USD vào năm 2015.

3. Hợp tác đầu tư và phát triển

3.1 Hợp tác đầu tư

Tính đến hết tháng 1/2013, Ấn Độ có 68 dự án còn hiệu lực với vốn đăng ký hơn 251,35 triệu USD đứng thứ 30/98 quốc gia và vùng lãnh thổ có vốn đầu tư vào Việt Nam.

Về cơ cấu ngành: các dự án của Ấn Độ tập trung nhiều nhất vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo có 33 dự án, tổng vốn đầu tư 134,9 triệu USD, (chiếm 49% về tổng số dự án và 53,7% về tổng vốn đầu tư). Tiếp theo là lĩnh vực khai khoáng có 3 dự án, tổng vốn đầu tư 86 triệu USD (chiếm 4% tổng số dự án và 34,2% tổng vốn đầu tư).

Về địa bàn đầu tư: nếu không tính 3 dự án thăm dò, khai thác dầu khí, Ấn Độ đầu tư tại 19 địa phương, nhưng vốn đầu tư tập trung tại tỉnh Tuyên Quang trong dự án khai thác khoáng sản Alliance, tổng vốn đầu tư 15 triệu USD và Ninh Thuận trong dự án sản xuất mía đường Dhampur Việt Nam, tổng vốn đầu tư 22 triệu USD.

Về hình thức đầu tư: đa số vốn đầu tư của Ấn Độ theo hình thức 100% vốn nước ngoài có 49 dự án với 142 tổng vốn đầu tư (chiếm 72% tổng số dự án và 56,5% về tổng vốn đầu tư). Số vốn còn lại thuộc hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh và liên doanh.

Một số dự án tiêu biểu của Ấn Độ tại Việt Nam: Hai dự án Hợp đồng chia sản phẩm lô 127, 128 cấp phép ngày 16/6/2006, hoạt động trong lĩnh vực dầu khí, tổng vốn đầu tư lần lượt là 40 và 20 triệu USD. Nhà đầu tư là ONGC VIDESH LTD - Ấn Độ.

Về đầu tư của Việt Nam sang Ấn Độ: hiện nay Việt Nam có 3 dự án đầu tư sang Ấn Độ, với tổng vốn đầu tư 23,6 triệu USD, xếp thứ 45/57 quốc gia có vốn đầu tư của Việt Nam. Tiêu biểu là dự án Rohto Pharma (India) Private Ltd, cấp phép ngày 23/6/2011, tổng vốn đầu tư 22,8 triệu USD. Nội dung sản xuất kinh doanh là nhập khẩu và bán các sản phẩm, dược phẩm, thực phẩm tại Ấn Độ. Nhà đầu tư là Công ty TNHH Rohto-Mentholatum (Việt Nam).

Hiện nay, một làn sóng doanh nghiệp Ấn Độ vẫn đang tiếp tục vào tìm kiếm cơ hội đầu tư ở Việt Nam. Mặc dù có nhiều tiềm năng, đầu tư của Ấn Độ mới chỉ đứng thứ 29 trong 89 nước và vùng lãnh thổ đã đầu tư vào Việt Nam, chưa tương xứng với tiềm năng của hai nước. Có nhiều lĩnh vực mà Ấn Độ có thế mạnh, Việt Nam có nhu cầu nhưng chưa được các doanh nghiệp Ấn Độ đầu tư.

Để thúc đẩy hơn nữa quan hệ đầu tư giữa hai nước cần tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư của Ấn Độ vào Việt Nam trong các lĩnh vực mà Ấn Độ có thế mạnh nhất là các lĩnh vực công nghệ cao, công nghiệp phần mềm, công nghiệp điện, điện tử. Mặt khác, cần đẩy mạnh đầu tư từ Việt Nam vào Ấn Độ thông qua đại diện ngoại giao tại Ấn Độ bằng hình thức hội thảo, trao đổi thông tin của Doanh nghiệp 2 nước hoặc tổ chức các đoàn Doanh nghiệp 2 nước đi khảo sát thị trường lẫn nhau. Cần tổ chức các Diễn đàn trao đổi kinh nghiệm quản lý, xúc tiến và kêu gọi đầu tư để Việt Nam có thể trao đổi kinh nghiệm của Ấn Độ trong việc xây dựng và thực hiện chính sách định hướng phát triển xuất khẩu phần mềm (đặc biệt là các nhà quản lý Khu công nghệ cao Hoà Lạc, Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và Khu Công nghệ cao Đà Nẵng).

3.2 Hợp tác phát triển

Về tín dụng: Từ năm 1976, Ấn Độ dành cho Việt Nam nhiều khoản tín dụng ưu đãi. Năm 2007, Ấn Độ công bố dành cho Việt Nam một khoản tín dụng ưu đãi trị giá 45 triệu USD cho dự án Thủy điện Nậm Chiến, hiệp định vay tín dụng này đã được ký vào tháng 1/2008. Ấn Độ tiếp tục công bố một khoản tín dụng mới cho Việt Nam trị giá 19,5 triệu USD.

Về giáo dục-đào tạo: Ấn Độ giúp ta nhiều chương trình đào tạo ngắn và dài hạn với trên 100 suất học bổng các loại hàng năm, cả trong khuôn khổ song phương và đa phương (Hợp tác sông Hằng-sông Mê-công, Kế hoạch Colombo), trên nhiều lĩnh vực đặc biệt là đào tạo nông nghiệp, tin học và tiếng Anh, viễn thám. Ngày càng nhiều sinh viên ta sang Ấn Độ học tập do chất lượng và chi phí hợp lý. Việt Nam cũng đã cấp cho sinh viên Ấn Độ 02 học bổng đào tạo tiếng Việt trong năm học 2006/2007.

Về khoa học-công nghệ: Hiệp định hợp tác về khoa học và công nghệ giữa Việt Nam và Ấn Độ được ký năm 1976, ký lại năm 1996. Tiểu ban hợp tác khoa học và công nghệ Việt Nam và Ấn Độ được thành lập năm 1997 và kỳ họp lần thứ 7 của Tiểu ban được tổ chức tại Hà Nội vào tháng 7/2008. Nghị định thư về Công nghệ thông tin Việt Nam - Ấn Độ được ký năm 1999. Dự án Hỗ trợ Phát triển nguồn nhân lực cho công nghiệp phần mềm ở Việt Nam sử dụng khoản viện trợ 2,5 triệu USD của Ấn Độ chuyển từ khoản lãi phạt tín dụng lương thực (Do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì) đã được triển khai hiệu

quả từ năm 2001, kết thúc tháng 6/2008 với kết quả tốt. Ngoài ra còn có một số dự án trong các lĩnh vực khác, đặc biệt nghiên cứu hạt nhân và công nghệ sinh học.

Về hợp tác văn hóa: Hiệp định hợp tác văn hóa giữa hai nước được ký năm 1976, là cơ sở cho Chương trình trao đổi văn hóa giữa hai nước, được gia hạn định kỳ (gần đây nhất được gia hạn trong chuyến thăm Ấn Độ của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng tháng 7/2007). Hai bên tiếp tục trao đổi đoàn nghệ thuật hàng năm.

Về an ninh-quốc phòng: Hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực này phát triển tốt. Hai nước cũng hợp tác chặt chẽ trong khuôn khổ các diễn đàn khu vực và quốc tế: Ấn Độ ủng hộ Việt Nam trở thành thành viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc nhiệm kỳ 2008-2009. Việt Nam luôn ủng hộ Ấn Độ tăng cường quan hệ với ASEAN, tham gia vào hợp tác Đông Á, ủng hộ Ấn Độ làm ủy viên thường trực của HĐBA/LHQ mở rộng.

Phần 4. Một số điều cần biết khi kinh doanh với Ấn Độ

1. Chính sách xuất nhập khẩu

Hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu ở Ấn Độ được điều phối bởi chính sách xuất nhập khẩu (2002 – 2007). Chính sách này được điều chỉnh 5 năm một lần. Chính sách thương mại hiện hành của Ấn Độ đang mở rộng tự do cho xuất nhập khẩu.

Trong 5 năm trở lại đây, Ấn Độ đã có những quy định về xuất nhập khẩu tự do. Những hạn chế về mặt định lượng, cơ chế giấy phép và kiểm soát đối với hàng xuất nhập khẩu ý đã được thay thế bằng việc bãi bỏ các qui định, đơn giản hoá thủ tục và tăng cường bảo hộ bằng thuế xuất nhập khẩu và tỷ giá hối đoái. Các chính sách xuất nhập khẩu tiên bộ của Ấn Độ thể hiện ở điều khoản Phân loại Hàng hóa Thương mại của Ấn Độ dựa trên Hệ thống HS được ban hành bởi Cục trưởng Cục Ngoại thương (DGFT).

Theo quy định của Tổ chức Thương mại Thế giới WTO, chính sách xuất nhập khẩu của Ấn Độ đã giảm đáng kể những hạn chế thương mại. Tiến trình xóa bỏ hạn ngạch nhập khẩu bắt đầu vào năm 1991 đã hoàn thành cơ bản trong năm 2005 với việc bãi bỏ qui định hạn chế nhập khẩu đối với 715 nhóm mặt hàng, trong đó bao gồm:

- 342 nhóm hàng dệt may
- 147 nhóm hàng nông sản bao gồm đồ uống có cồn.
- 226 nhóm hàng công nghiệp chế tạo, bao gồm ô tô.

Trong thập kỷ vừa qua, Ấn Độ đã dần dần thay thế việc cấp phép và các biện pháp kiểm soát nhập khẩu bằng việc bãi bỏ và đơn giản hóa thủ tục nhập khẩu. Đa số các mặt hàng nhập khẩu thuộc diện điều chỉnh của quy định về chính sách xuất nhập khẩu theo cơ chế Open General License - OGL. Điều đó có nghĩa là các mặt hàng này được nhập khẩu không hạn chế và không cần giấy phép trừ khi chúng chịu sự điều chỉnh của các điều khoản hay các chính sách khác hiện hành.

Các mặt hàng không nằm trong danh mục OGL được điều chỉnh và chia thành 3 nhóm: hàng cấm, hàng hạn chế và hàng cần giấy phép nhập khẩu. Chỉ các cơ quan nhà nước nhất định mới được phép độc quyền nhập khẩu những loại hàng này bao gồm các sản phẩm dầu khí (chỉ có Tập đoàn dầu khí Ấn Độ được phép nhập), nitơ photphat, kali và phân bón hóa học tổng hợp (do Tập đoàn Thương mại Khoáng chất và Kim loại nhập), các loại thuốc có vitamin A (do Tập đoàn Thương mại Quốc gia), dầu ăn và hạt giống (do Tập đoàn Thương mại Nhà nước và Dầu thực vật Hindustan) và ngũ cốc (do Tập đoàn Thực phẩm Ấn Độ nhập). Tuy nhiên, những mặt hàng này đã dần được rút ra khỏi danh sách các mặt hàng cấm và hạn chế nhập khẩu và đến năm 2005, danh sách này đã được xóa bỏ.

2. Các quy định về xuất nhập khẩu

2.1 Chứng từ nhập khẩu

Hóa đơn thương mại

Ấn Độ không áp dụng bất kỳ quy định riêng biệt nào đối với hóa đơn thương mại. Hóa đơn cần có tối thiểu 4 bản có chữ ký của nhà cung cấp tại quốc gia xuất khẩu. Hóa đơn phải có những chi tiết như sau:

- Nước xuất xứ
- Tên người nhận
- Số và ngày lập thư tín dụng và số giấy phép nhập khẩu
- Phương thức thanh toán
- Tên nhà chuyên chở
- Số hiệu phương tiện chuyên chở
- Thông tin mô tả và những dấu hiệu nhận dạng bên ngoài của container hàng
- Thông tin mô tả chi tiết về hàng hóa như số lượng, trọng lượng (bao gồm trọng lượng tổng và trọng lượng tịnh), giá trị, phí vận chuyển và bảo hiểm

Vận đơn

- Cần tối thiểu 2 bản. Vận đơn theo lệnh “To order bills” cũng có thể cũng được chấp nhận.
- Phí chuyên chở phải được nêu riêng.
- Khối lượng hàng hóa tính bằng đơn vị mét.
- Số giấy phép nhập khẩu và số thư tín dụng.
- Tên và địa chỉ của người nộp đơn và ngân hàng phát hành thư tín dụng.

Phiếu đóng gói

Không bắt buộc nhưng có thể làm quá trình thông quan hàng hóa thuận tiện hơn.

Giấy chứng nhận xuất xứ

Do Phòng Thương mại địa phương ban hành (thường yêu cầu phải có 3 bản).

Các giấy chứng nhận đặc biệt

- Nhập khẩu vật nuôi cần có giấy chứng nhận kiểm dịch do một cơ quan có thẩm quyền ở nước xuất xứ cấp và được chứng nhận bởi một tổ chức liên quan.
- Thực vật, các sản phẩm từ thực vật và lá cây thuốc lá cần có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do một cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ cấp và được chứng nhận bởi một tổ chức liên quan.
- Thêm vào đó, nhập khẩu lá cây thuốc lá phải có giấy chứng nhận đặc biệt trong đó chỉ rõ thuốc lá không có ephestia elutella hoặc loại sâu bệnh đó không tồn tại ở quốc gia xuất xứ. Bất kỳ chuyên hàng lá thuốc lá nào không có giấy chứng nhận kể trên sẽ bị các thanh tra chính phủ Ấn Độ kiểm tra và thu phí.
- Quần áo đã qua sử dụng: cần giấy chứng nhận đã tẩy uế do một cơ quan có thẩm quyền của quốc gia xuất xứ cấp.
- Rượu pooctô: cần có giấy chứng nhận có ghi rõ thành phần cồn.
- Rượu mạnh có thể cần có giấy chứng nhận ghi rõ thời gian ủ rượu.

Tờ khai nhập khẩu

Các nhà nhập khẩu cần nộp tờ khai nhập khẩu theo đúng mẫu, trong đó có nêu chi tiết về giá trị hàng hóa.

Giấy phép nhập khẩu (nếu cần): Tất cả các giấy tờ liên quan đến hoạt động nhập khẩu cần được đi kèm với giấy phép nhập khẩu. Việc này sẽ giúp cơ quan hải quan làm việc nhanh chóng. Dưới đây là những cơ quan được chỉ định cấp giấy phép nhập khẩu:

- o Bộ Điện tử phụ trách việc nhập khẩu máy tính và các hệ thống liên quan đến máy tính.
- o Bộ Chính sách và Phát triển Công nghiệp phụ trách các công ty nghiệp đoàn, trừ nhập khẩu máy tính và các hệ thống sử dụng máy tính.
- o Bộ Quốc phòng phụ trách việc nhập khẩu các thiết bị liên quan đến quốc phòng
- o Tổng cục Ngoại thương phụ trách các ngành công nghiệp quy mô nhỏ chưa được nhắc đến ở trên.

Tháng 3/2001, Giấy phép nhập khẩu đặc biệt (Special Import Licenses - SIL) đã được cấp cho các công ty thương mại xuất khẩu dựa trên tỷ lệ % kim ngạch xuất khẩu tính theo giá trị FOB của mặt hàng xuất khẩu. Giấy phép này có thể được mua và bán trên thị trường và có thể chuyển nhượng được. SIL đã bị ngừng cấp vào ngày 31/3/2001. Hàng hóa là tư liệu sản xuất có thể được nhập khẩu nếu có giấy phép được cấp theo chương trình nhập khẩu tư liệu sản xuất nhằm thúc đẩy hoạt động xuất khẩu (Export Promotion Capital Goods scheme - EPCG) với mức thuế suất thuế nhập khẩu thấp nếu hoàn thành các quy định về xuất khẩu đúng thời hạn. Chương trình EPCG hiện được áp dụng cho tất cả các ngành công nghiệp và cho tất cả các mặt hàng là tư liệu sản xuất mà không giới hạn về số lượng và và chỉ phải thanh toán 5% thuế hải quan.

Giấy phép miễn thuế: Giấy phép miễn thuế được áp dụng để cho phép việc nhập khẩu miễn thuế hàng hóa là nguyên liệu đầu vào để sản xuất hàng phẩm xuất khẩu. Thêm vào đó, nhiên liệu, dầu, năng lượng, chất xúc tác, v.v - những thứ được tiêu thụ để sản xuất hàng xuất khẩu, cũng có thể được phép nhập khẩu theo chương trình này. Các phụ tùng thay thế bắt buộc có giá trị trên 10% trị giá CIF ghi trên giấy phép cũng có thể được nhập khẩu miễn thuế theo chương trình này. Giấy phép miễn thuế được ban hành cho các trường hợp sau:

- o Hàng nhập khẩu là nguyên liệu đầu vào để sản xuất hàng xuất khẩu. Giấy phép miễn thuế có thể được cung cấp cho một công ty xuất khẩu là nhà sản xuất hoặc nhà nhập khẩu thương mại các nguyên liệu đầu vào để sản xuất hàng xuất khẩu.
- o Cung cấp ngay: Giấy phép miễn thuế có thể được cấp ngay lập tức cho một nhà sản xuất kiêm xuất khẩu để nhập khẩu hàng hóa là nguyên liệu đầu vào cần thiết cho việc sản xuất hàng hoá xuất khẩu nếu nhà sản xuất kiêm xuất khẩu đó đã có một tờ giấy phép miễn thuế khác.
- o Chương trình miễn thuế cũng được áp dụng cho việc nhập khẩu mà theo đó nguyên liệu thô, hàng hóa trung gian, hàng tiêu dùng, linh kiện, phụ tùng thiết bị và các vật liệu đóng gói để sử dụng trực tiếp cho các sản phẩm xuất khẩu có thể được miễn thuế theo nhiều danh mục được cấp phép. Giấy phép miễn thuế cho người sử dụng thực tế và không thể chuyển nhượng được là một trong số những giấy phép đó. Với những người không muốn nhập khẩu hàng hóa bằng cách sử dụng giấy phép miễn thuế thì có thể nhận giấy chứng nhận miễn thuế sau xuất khẩu.

Thu tín dụng

Tất cả các nhà nhập khẩu cần xuất trình thư tín dụng (L/C) để đảm bảo rằng việc thanh toán cho số hàng nhập khẩu chắc chắn được tiến hành. Thông thường, chứng từ này sẽ được kiểm tra với ngân hàng phát hành thư tín dụng.

2.2 Các mặt hàng hạn chế nhập khẩu

Một số mặt hàng bị hạn chế nhập khẩu vào Ấn Độ bao gồm:

- Động vật sống
- Một số loại phân hoá học.
- Da thú
- Quặng khoáng và sản phẩm quặng.
- Sữa bột trẻ em
- Một số kim loại và hợp kim.

2.3 Kiểm soát nhập khẩu

Các mặt hàng nông sản nhập khẩu như lúa mì, gạo, ngô, các loại ngũ cốc thô, dầu dừa và cùi dừa thuộc danh mục các mặt hàng chịu sự kiểm soát nhập khẩu. Một doanh nghiệp Thương mại của nhà nước được chỉ định thực hiện nhập khẩu độc quyền các mặt hàng này trên cơ sở đánh giá khả năng kinh doanh thực tế. Nói một cách đơn giản, nhập khẩu các sản phẩm dầu mỏ bao gồm xăng, dầu diesel và ATF được xếp vào hạng mục kinh doanh của nhà nước. Sản phẩm ure nhập khẩu cũng được xử lý qua cơ chế kinh doanh của nhà nước.

2.4 Các mặt hàng cấm nhập khẩu

Những mặt hàng bị cấm nhập vào Ấn Độ bao gồm những loại có thể gây tổn hại đến môi trường hoặc đời sống hoang dã và một số mặt hàng quân sự nhất định. Một số mặt hàng ảnh hưởng đến an ninh nội địa, trật tự xã hội và nhiều tiêu chuẩn về giá trị đạo đức cũng bị cấm. Việc cấm nhập khẩu những mặt hàng này được áp dụng nhằm ngăn chặn sự thiếu hụt hàng hóa trên thị trường nội địa. Bảo toàn ngoại hối nhằm duy trì cán cân thanh toán của nước này đồng thời kiểm soát việc buôn bán vàng và bạc.

2.5 Tạm nhập

Luật hải quan Ấn Độ cho phép nhập hàng hóa trên cơ sở tạm thời vào nước này. Điều 74 của luật này nói về sự hoàn thuế đối với hàng hóa tạm nhập tái xuất.

Cũng theo điều 74, việc hoàn thuế được áp dụng đối với những mặt hàng tái xuất đã nộp thuế. Khi số hàng đó được tái xuất ra khỏi Ấn Độ, nhà xuất khẩu sẽ được hoàn lại một phần nhất định của số tiền thuế mà họ đã phải đóng khi nhập khẩu.

Tỷ lệ thuế được hoàn lại phụ thuộc vào quãng thời gian mà hàng hóa được lưu kho hoặc sử dụng tại Ấn Độ. Nếu số hàng đó được tái xuất mà không được đưa vào sử dụng tại Ấn Độ thì sẽ được hoàn lại 98% số thuế hải quan nếu hoạt động xuất khẩu đó diễn ra trong vòng 24 tháng kể từ khi nhập khẩu. Tuy nhiên, nếu số hàng đó được sử dụng tại Ấn Độ sau khi nhập khẩu thì số tiền thuế được hoàn lại sẽ được xác định trên cơ sở thời gian

hàng hóa đó được sử dụng tại Ấn Độ (ví dụ thời gian để xác định hoàn thuế được tính từ ngày hàng được thông quan để sử dụng ở Ấn Độ cho đến ngày được xuất khẩu).

Thêm vào đó, điều khoản số 14 về miễn thuế trong luật thuế hải quan cũng cho phép nhập khẩu hàng hóa để trưng bày hoặc sử dụng tại hội chợ, triển lãm, trưng bày, hội thảo, hội nghị với một số điều kiện nhất định.

2.6 Một số hướng dẫn khác về chính sách hải quan

Các hướng dẫn về chính sách hải quan được ban hành ngày 31/3/2001 bao gồm một số điểm sau:

+ Điều kiện tiêu dùng thực tế: Bất kỳ ai cũng có thể nhập khẩu tư liệu sản xuất, nguyên liệu thô, sản phẩm trung gian, hàng tiêu dùng, linh kiện, phụ tùng, thiết bị và các loại hàng hóa khác - những mặt hàng có thể nhập khẩu không hạn chế. Tuy nhiên, nếu những mặt hàng nhập khẩu đó cần phải có giấy phép thì chỉ có người sử dụng thực sự mới có thể nhập khẩu các mặt hàng đó trừ khi cơ quan cấp phép không áp dụng điều khoản tiêu dùng thực tế. Hàng cũ: Tất cả hàng hoá đã qua sử dụng đều bị hạn chế nhập khẩu và chỉ được phép nhập khi tuân thủ các quy định của chính sách xuất nhập khẩu.

+ Nhập khẩu quà tặng: Có thể nhập hàng là quà tặng khi những mặt hàng này được phép nhập khẩu theo chính sách xuất nhập khẩu. Trong các trường hợp khác cần có Giấy phép Thông quan (Customs Clearance Permit - CCP).

+ Hành lý xách tay: Các mặt hàng gia dụng và tài sản cá nhân có thể được nhập khẩu dưới hình thức là hành lý xách tay. Mẫu của các mặt hàng này, theo chính sách xuất nhập khẩu, có thể được nhập thoải mái dưới hình thức như hành lý xách tay mà không cần giấy phép. Các nhà xuất khẩu là người nước ngoài cũng có thể được phép nhập khẩu các loại tranh vẽ, mô hình, nhãn mác, cúc, dây lưng, phụ kiện và đồ trang điểm cần để xuất khẩu dưới hình thức là hành lý xách tay mà không cần giấy phép.

+ Nhập khẩu để xuất khẩu: khoáng chất, khối kim loại, (kể cả các khung hình ống), khuôn (gồm cả các loại khuôn để đúc khuôn), các kiểu mô hình, các thiết bị nén và kéo dài, máy móc xây dựng, container/các kiện hàng để đóng gói hàng hoá xuất khẩu và các thiết bị khác, có thể được nhập khẩu để xuất khẩu mà không cần giấy phép nếu có cam kết pháp lý hoặc bảo lãnh của ngân hàng với cơ quan hải quan.

+ Tái nhập hàng đã qua sửa chữa ở nước ngoài: tư liệu sản xuất, máy bay cùng các linh kiện và phụ tùng, dù đã được nhập khẩu hoặc được sản xuất ở trong nước, có thể được chuyển ra nước ngoài để sửa chữa, thử nghiệm và nâng cao chất lượng hoặc cải tiến công nghệ và được tái nhập mà không cần giấy phép.

+ Nhập khẩu máy móc và thiết bị đã được sử dụng cho các dự án ở nước ngoài: Sau khi kết thúc dự án ở nước ngoài, các nhà thầu tham gia dự án có thể nhập khẩu các máy móc thiết bị đã qua sử dụng mà không cần giấy phép nếu trị giá còn lại của những máy móc thiết bị đó không quá 20% trị giá CIF của những máy móc, thiết bị đó khi còn mới. Các

thiết bị văn phòng và xe cộ đã qua sử dụng trên 1 năm cũng có thể được nhập khẩu vào Ấn Độ sau khi dự án ở nước ngoài kết thúc mà không cần giấy phép.

+ Nhập khẩu theo hợp đồng cho thuê tài chính: Không cần giấy phép của cơ quan cấp phép trong trường hợp nhập khẩu hàng hóa là tư liệu sản xuất theo hợp đồng cho thuê tài chính.

3. Chính sách thuế và thuế suất

3.1 Chính sách thuế giữa các bang và liên bang

28 bang của Ấn Độ có thể đánh thuế hàng "nhập khẩu" từ các bang khác. Về nguyên tắc, quyền đánh thuế thương mại khi xuất nhập khẩu hàng hóa giữa các bang đã phân đoạn nền kinh tế, đặc biệt trong hoạt động kinh doanh sản phẩm nông nghiệp. Chính phủ Ấn Độ đã tìm cách đơn giản hóa cơ cấu thuế bằng việc áp dụng chính sách thuế giá trị gia tăng trên toàn quốc. Sự khác biệt trong biểu thuế thương mại giữa các bang của Ấn Độ đã khiến hệ thống thuế của nước này không rõ ràng và được cho là một nhân tố cản trở sự tăng trưởng kinh tế. Chính phủ Ấn Độ đã đặt kế hoạch ban hành chính sách thuế giá trị gia tăng vào ngày 1/4/2003 nhưng phải hoãn lại vì không phải tất cả 28 bang của nước này đều đã có những sự chuẩn bị cần thiết cho việc chuyển đổi. Sự việc đó đã đánh dấu năm thứ ba liên tiếp Ấn Độ buộc phải hoãn kế hoạch áp dụng chính sách thuế này vì không nhất trí về phương thức với chính quyền các bang.

Ấn Độ có cơ cấu thuế phát triển với mức thuế khác nhau do chính phủ liên bang và giới chức các bang quy định. Chính phủ liên bang áp dụng thuế trực thu, ví dụ thuế thu nhập cá nhân và tập thể, và thuế gián thu như thuế hải quan, thuế hàng hóa, và thuế bán hàng. Chính quyền các bang có quyền đánh thuế kinh doanh cùng với một số loại thuế khác như thuế nhập bang.

3.2 Một số loại thuế chính

Thuế thu nhập: Mức thuế thu nhập tại Ấn Độ áp dụng cho công ty cụ thể như sau: Các công ty trong nước chịu mức thuế 33,99%, các công ty nước ngoài chịu mức thuế 42,23%. Thuế thu nhập cá nhân cao nhất ở mức 30%.

Bảng tổng hợp thuế thu nhập cá nhân

Thu nhập (INR)	Thuế (%)
1 – 160.000	0%
160.001-300.000	10%
300.001-500.000	20%
>500.001	30%

Thuế bán hàng (của các bang) từ 4 đến 15% được áp dụng với hầu hết các sản phẩm. Nhà nhập khẩu không phải nộp loại thuế này. Tuy nhiên, khi hàng được nhập rồi bán lại trong thị trường Ấn Độ, khi đó, hàng hóa này sẽ bị đánh thuế bán hàng.

Thuế hàng hóa áp dụng đối với các mặt hàng được sản xuất, bán hoặc dùng tại Ấn Độ.

Thuế hải quan và phân loại thuế suất

Luật Hải quan đã được ban hành năm 1962 để kiểm soát hoạt động nhập khẩu thông qua việc ngăn chặn việc xuất nhập khẩu hàng hoá trái phép. Luật thuế hải quan quy định rõ mức thuế, thuế chống bán phá giá và thuế đối kháng. Biểu thuế, thuế hàng hóa, thuế chống bảo hộ và thuế đối kháng đều được xem xét lại trong dự thảo ngân sách hàng năm.

Cơ quan hải quan Ấn Độ phân loại các hạng mục thuế suất theo Hệ thống mã và mô tả hàng hoá hài hòa (Hệ thống phân loại hài hòa hay HS). Ấn Độ đã áp dụng triệt để HS thông qua luật sửa đổi thuế hải quan năm 1985 để phù hợp với thực trạng về thuế quan tại Ấn Độ. Các cơ quan thuế cũng sử dụng mã HS để phân loại hàng hóa tính thuế (thuế sản xuất) đối với những mặt hàng được sản xuất tại Ấn Độ.

Từ ngày 1/2/2003, Hải quan Ấn Độ sử dụng bảng mã phân loại hải quan gồm 8 chữ số dựa trên Hệ thống danh pháp hài hòa (Harmonized System of Nomenclature - HSN). Gần đây, Hải quan Ấn Độ, Tổng Cục Thông tin & Thống kê Thương mại (Directorate-General of Commercial Intelligence and Statistics – DGCI&S), và Tổng Cục Ngoại thương (Directorate General of Foreign Trade - DGFT) sử dụng những mã phân loại xuất nhập khẩu và thuật ngữ khác nhau. Trong khi hải quan dùng bảng mã phân loại 6 chữ số thì DGCI&S dùng bảng mã 8 chữ số. Mới đây DGFT đã mở rộng bảng mã gồm 8 chữ số của DGCI&S lên thành 10 chữ số. Bảng mã mới do ban công tác liên bộ (inter-Ministerial Task Force) soạn thảo sẽ được dùng chung cho các cơ quan: hải quan, thuế, thương mại và DGFT.

Các mức thuế suất của Ấn Độ được giảm liên tục từ đầu những năm 1990 và mức thuế cao nhất được công bố trong ngân sách 2003 -2004 đã được giảm xuống mức trần (trừ một vài trường hợp) xuống còn 25% trong năm tài khoá trước đó. Thuế bổ sung đặc biệt sẽ tiếp tục được áp dụng ở mức 4% đối với mọi sản phẩm, trừ các loại hàng được nhập khẩu miễn thuế. Thuế nhập khẩu được áp dụng đối với từng mặt hàng cụ thể và có thể được thông báo thay đổi. Các doanh nghiệp xuất khẩu nên tham khảo mức thuế nhập khẩu tương ứng đối với các sản phẩm xuất khẩu sang Ấn Độ của mình.

Để cung cấp thêm thông tin hướng dẫn về phân loại hàng hóa tính thuế, Cơ quan Thuế quan Trung ương (Central Board of Excises Customs - CBEC) phát hành cuốn sách có tên "Hướng dẫn thuế hải quan Ấn Độ", trong đó có nhiều quy định về các mức thuế suất do CBEC đưa ra. Ấn phẩm này cũng gồm những điều khoản chi tiết về việc lưu kho hàng nhập khẩu. Một số trang web chính thức của chính phủ Ấn Độ có cung cấp thông tin về thuế suất nhập khẩu là: www.cbec.gov.in hoặc <http://commerce.nic.in/>.

Một số trang web khác cũng có thông tin này là <http://exim.Indiamart.com/customs-duty/> và <http://exim.Indiamart.com/index.html>. Thuế hải quan được tính đối với hàng hóa nhập khẩu vào Ấn Độ theo các điều khoản của luật hải quan và với tỷ suất qui định tại luật thuế hải quan. Có rất nhiều loại thuế được đánh vào hàng nhập khẩu và có một số phương pháp quy định để tính thuế.

Biểu danh mục thuế của Ấn Độ gồm nhiều loại miễn, giảm và hoàn thuế và được áp dụng dựa trên cơ sở từng mặt hàng cụ thể, phụ thuộc vào mục đích sử dụng cũng như vị thế của nhà nhập khẩu. Các mức thuế suất cơ bản là 5%, 15%, 25%, 30%.

Do có tới hàng nghìn loại hàng khác nhau được nhập khẩu vào Ấn Độ nên không thể tính tỷ suất thuế đối với mỗi loại mặt hàng. Do đó, mọi mặt hàng được phân loại theo các hạng mục khác nhau (gọi là hạng mục và tiểu mục) để tính thuế. Việc phân loại này được dựa trên Hệ thống danh pháp hài hòa (HSN) mà Tổ chức Hải quan Thế giới (World Customs Organization – WCO) ban hành.

Việc phân loại kể trên là hữu ích cho các bước xác định mức thuế mà nhà nhập khẩu phải nộp:

- Nhận bảng phân loại hàng hóa.
- Tính mức thuế hải quan cơ bản, phụ phí, thuế hải quan bổ sung (trương đương với thuế hàng hóa), và thuế bổ sung đặc biệt.
- Xác định xem liệu có thêm khoản thuế nào do khác biệt về luật hay không.
- Xác định xem mặt hàng đó có được miễn hay giảm thuế không.

Chính sách miễn thuế nhập khẩu

Chính sách miễn thuế: cho phép việc nhập khẩu nguyên liệu đầu vào để sản xuất hàng xuất khẩu mà không phải nộp thuế. Giấy phép miễn thuế có thể được cấp theo khuôn khổ chương trình miễn thuế. Chương trình sẽ cho phép bổ sung/miễn thuế sau xuất khẩu đối với nguyên liệu đầu vào dùng trong hoạt động sản xuất hàng xuất khẩu. Chương trình miễn thuế gồm (a) DFRC và (b) DEPB. DFRC cho phép tiếp tục miễn thuế đối với các sản phẩm xuất khẩu. Chương trình DEPB cho phép hoàn phí nhập khẩu đối với các nguyên liệu đầu vào dùng cho hoạt động sản xuất hàng xuất khẩu.

Chính phủ có quyền công bố miễn thuế hoàn toàn hay một phần "vì lợi ích công cộng" và chỉ rõ các điều kiện (ví dụ điều khoản ngừng áp dụng). Khoảng 1/2 tổng số nguyên liệu đầu vào của Ấn Độ được giảm thuế nhập khẩu, mặc dù việc áp dụng chế độ miễn thuế được đặt song song với quá trình cắt giảm thuế quan.

Việc giảm thuế đã hỗ trợ nhiều ngành công nghiệp xuất khẩu của nhiều nước xuất khẩu vào Ấn Độ. Những ngành công nghiệp nước ngoài được hưởng lợi từ việc Ấn Độ xóa bỏ cơ chế hạn ngạch (QR) và giảm thuế suất là: hàng tiêu dùng, thực phẩm chế biến, giày dép, đồ chơi, sản phẩm viễn thông, phân bón, thiết bị khai thác mỏ, sản phẩm gỗ, đồ trang sức, linh kiện máy ảnh, giấy, bìa các tông, phế liệu kim loại, máy tính, máy văn phòng và linh kiện, máy dệt và linh kiện, thiết bị cầm tay, nước ngọt, nước hoa quả và đồ hộp....

Thuế nhập khẩu hàng mẫu thương mại

Các mẫu hàng thương mại không bị đánh thuế hải quan thông thường nếu đáp ứng các điều kiện sau:

- Hàng mẫu đó được nhập khẩu theo diện hành lý xách tay của khách du lịch hoặc doanh nhân hay được nhập khẩu qua đường bưu điện hoặc hàng không.

- Hàng mẫu đó được đánh dấu rõ ràng là “hàng mẫu”, và giá trị của số hàng mẫu nhập khẩu không được quá 1.000 USD hoặc 15 đơn vị hàng mẫu trong vòng 12 tháng.
- Hàng mẫu đó đã được nhập khẩu vào Ấn Độ chỉ vì mục đích trưng bày theo hướng dẫn hoặc yêu cầu của nhà xuất khẩu hoặc để bảo đảm thực hiện một đơn hàng xuất khẩu.
- Hàng mẫu đó phải được đi kèm với đầy đủ các tài liệu hướng dẫn.

4. Bao gói, ký mã hiệu và nhãn mác

Bao gói

Hàng hóa phải được đóng gói chắc chắn và có thể chịu được sức nóng và độ ẩm cao trong mùa hè, có thể được lưu giữ ngoài trời hoặc trong kho và buộc bằng dây thép.

Thùng chứa bên ngoài của hàng hóa cần được ghi ký mã hiệu của người gửi, ký mã hiệu cảng gửi hàng và đánh số phù hợp với số ghi trong phiếu đóng gói trừ trường hợp hàng đã được xác định trước. Cần ghi rõ trọng lượng tổng của kiện hàng trên cả hai mặt của thùng chứa hàng.

Những mặt hàng được sản xuất tại hơn một nước cần được ghi rõ “sản xuất tại nước ngoài” 'Foreign Made' hoặc những từ ngữ tương tự để chỉ rõ nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa. Tất cả các mặt hàng nhập khẩu vào Ấn Độ phải có ký mã hiệu về nguồn gốc xuất xứ. Hàng nhập khẩu có thể cần phải có ký mã hiệu và nhãn mác chi tiết. Nhà nhập khẩu Ấn Độ sẽ có thể hướng dẫn nhà xuất khẩu về các yêu cầu này.

Ghi nhãn hàng hóa

Việc ghi nhãn hàng hóa là yếu tố quan trọng đối với các sản phẩm được nhập khẩu vào Ấn Độ. Nhãn tiếng Anh được ưa chuộng. Tất cả các gói hàng hay container chứa hàng cũng nên có thông tin về nhãn hàng tùy thuộc vào từng chuyến hàng được chuyên chở. Hàng hóa xuất khẩu phải có nhãn mác và tuân thủ Quy tắc sửa đổi năm 1997 về "Luật về Tiêu chuẩn đo lường và trọng lượng" cho giai đoạn 1992 - 1997. Các nhân viên hải quan rất nghiêm khắc và phải đảm bảo rằng các hàng hóa nhập khẩu phải có những thông tin dưới đây trước khi được đưa ra thị trường bán lẻ hoặc tiêu thụ, bao gồm cả các sản phẩm trong danh mục EOU.

Thông tin về sản phẩm được đưa trực tiếp ra thị trường bán lẻ cần phải có những chi tiết in trên bao bì như sau:

- Thông tin mô tả sản phẩm
- Thông tin đóng gói
- Trọng lượng tổng và trọng lượng tịnh
- Thời hạn lưu hàng trên giá (kệ) bày hàng
- Ngày sản xuất và hạn sử dụng của sản phẩm hoặc được thời hạn sử dụng tốt nhất
- Hướng dẫn bảo quản
- Thành phần nguyên liệu

- Mã vạch (nếu được áp dụng và do EAN và UPC tại New Delhi ban hành) Số hiệu hàng hóa do Cơ quan Sản phẩm Thực phẩm (Food Product Office - FPO) đóng tại New Delhi và/hoặc Mumbai cấp.
- Công thức sản xuất
- Địa chỉ của nhà sản xuất và nhà xuất khẩu hàng hóa vào Ấn Độ
- Giá bán lẻ trên thị trường, gồm cả thuế và phí vận chuyển

Nguyên liệu thô nhập khẩu vẫn cần gia công thêm trước khi được đưa ra thị trường thì không cần có những thông tin kể trên nhưng cần được nêu rõ trong vận đơn chuyên chở, trong đó có thể bao gồm cả giá bán lẻ trên thị trường (Market Retail Price - MRP).

5. Qui định về kiểm dịch động thực vật

- Động thực vật sống phải có giấy chứng nhận kiểm dịch được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền tại nơi xuất xứ
- Thực vật chỉ được nhập khẩu qua cảng nơi có đầy đủ thiết bị kiểm dịch và xông khói.
- Rau quả và thực phẩm phải được kiểm dịch trước khi cập cảng.
- Chất lượng và độ nguyên chất của thực phẩm phải tuân theo những qui định nghiêm ngặt của quốc gia và các tiểu bang về cách bảo quản, màu sắc sản phẩm, độ ngọt nhân tạo, thùng chứa, ký mã hiệu và nhãn mác.
- Các loại thuốc phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về kiểm soát nhập khẩu, sản xuất, phân phối và kinh doanh. Thuốc nhập khẩu yêu cầu phải lấy mẫu và thử nghiệm trước. Tiêu chuẩn hợp pháp sử dụng cho các loại thuốc nhập khẩu dựa theo tiêu chuẩn của British Pharmacopoeia và US National Formulary.
- Việc nhập khẩu các sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật và động vật cần phải có giấy phép về an toàn về sinh học và kiểm dịch do Bộ Nông nghiệp và Hợp tác cấp. Giấy phép này dựa trên sự phân tích rủi ro nhập khẩu của sản phẩm, được tiến hành theo các nguyên tắc khoa học và trong khuôn khổ thỏa thuận với WTO về áp dụng các biện pháp kiểm dịch và vệ sinh.
- Chính sách này cũng chỉ rõ rằng theo “Nguyên tắc đối xử quốc gia” của GATT, các mặt hàng nhập khẩu phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:
 - Việc nhập khẩu tất cả các loại thực phẩm sẽ được tiến hành theo các điều khoản của đạo luật và qui tắc liên quan đến chế biến thực phẩm.
 - Việc nhập khẩu các sản phẩm thịt và gia cầm phải tuân thủ mọi điều kiện của Nội quy về sản phẩm từ thịt.
 - Việc nhập khẩu chè phải tuân thủ Nội quy nhập khẩu chè.
 - Không được phép nhập bất kỳ nguyên liệu dệt may nào nếu có sử dụng các loại thuốc nhuộm trong danh mục cấm như azo. Trong trường hợp này, bắt buộc phải có giấy chứng nhận giám định trước khi vận chuyển.

6. Quyền sở hữu trí tuệ

Theo lộ trình thực hiện các cam kết gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) về việc thực thi các luật bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ theo tiêu chuẩn của WTO vào năm 2005, Ấn Độ đã củng cố luật bản quyền của nước này vào tháng 5/1994 với các quy định tương đương với thông lệ quốc tế. Luật này có hiệu lực vào tháng 5/1995, nội dung được

xây dựng trên cơ sở tham chiếu Công ước Berne về bản quyền. Nhãn hiệu thương mại được bảo hộ tốt tại Ấn Độ trong khi vấn đề bảo hộ phát minh sáng chế thì ngược lại.

Việc thừa nhận và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ngày càng tăng ở Ấn Độ cũng liên quan rất nhiều tới mức sống được nâng cao nhanh chóng của người dân nước này.

Chỉ vài năm trước đây, Ấn Độ đã không thể giữ được các kỹ sư và chuyên gia máy tính hàng đầu của mình. Việc thiếu các quy định về bảo vệ sở hữu trí tuệ đã buộc các chuyên gia này di cư sang những quốc gia nơi mà thành quả lao động của họ được bảo vệ và những đối thủ cạnh tranh không được phép khai thác trái phép những tiến bộ khoa học.

Sau đó vào năm 1999, Quốc hội Ấn Độ đã thông qua một đạo luật bảo vệ sản phẩm trí tuệ của các chuyên gia máy tính. Kết quả là Ấn Độ đã có ngành công nghiệp cao sản xuất những phần mềm tiên tiến nhất thế giới và sử dụng hàng ngàn nhân công mà lẽ ra họ đã rời Ấn Độ để sang những nước giàu có hơn.

7. Khu chế xuất

Ở Ấn Độ, các khu chế xuất được thành lập tại các khu vực West Bengal, Tamil Nadu, Kerala, Uttar Pradesh và Andhra Pradesh. Các khu này bao gồm:

- Falta Export Processing Zone
- Chennai Export Processing Zone
- Noida Export Processing Zone
- Cochin Export Processing Zone
- Visakhapatnam Export Processing Zone

Đặc điểm của các khu chế xuất này như sau:

- Cho phép các hoạt động thuê phụ đối với sản phẩm sản xuất tại Ấn Độ và tại nước ngoài
- Chỉ riêng ngành công nghệ thông tin mới cần phải có giấy phép hoạt động trong các khu chế xuất
- Hàng hóa là tư liệu sản xuất và nguyên liệu thô ra vào khu chế xuất được miễn thuế
- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp
- Có kho ngoại quan riêng dành cho việc nhập khẩu hàng hóa, tái xuất và marketing.

8. Thành lập doanh nghiệp

Ở Ấn Độ, một công ty nước ngoài có thể hoạt động theo những hình thức sau:

8.1. Văn phòng đại diện

Vai trò của các văn phòng này bao gồm thu thập thông tin về các thị trường tiềm năng và cung cấp thông tin về công ty cũng như các sản phẩm của nó cho khách hàng Ấn Độ. Một văn phòng đại diện không được phép thực hiện bất kỳ hoạt động kinh doanh nào ở Ấn Độ, hay thu lợi nhuận từ khách hàng để phục vụ cho các dịch vụ của văn phòng. Cơ quan có chức năng cấp phép cho văn phòng hoạt động là Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ (RBR).

Giấy phép hoạt động của văn phòng đại diện có hiệu lực trong 3 năm và có thể được gia hạn.

8.2 Văn phòng dự án

Các công ty nước ngoài có kế hoạch thực hiện các dự án ở Ấn Độ có thể thiết lập một văn phòng dự án tạm thời với sự cấp phép cụ thể của Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ - RBI. Giấy phép thiết lập văn phòng dự án được cấp cụ thể cho các dự án đặc biệt và có hiệu lực đến khi dự án kết thúc.

8.3 Văn phòng chi nhánh

Chính phủ Ấn Độ cho phép các công ty nước ngoài tham gia các hoạt động sản xuất và kinh doanh và thiết lập các văn phòng chi nhánh với những mục đích sau:

- Đại diện cho công ty mẹ ở nước ngoài.
- Quản lý các hoạt động nghiên cứu tại khu vực mà công ty mẹ tham gia, cung cấp kết quả nghiên cứu sẵn có cho các công ty của Ấn Độ.
- Thực hiện các hoạt động xuất nhập khẩu.
- Xúc tiến mối quan hệ hợp tác về tài chính và kỹ thuật giữa các công ty Ấn Độ và các công ty nước ngoài.
- Một văn phòng chi nhánh không được phép tự động tiến hành các hoạt động sản xuất, nhưng được phép ký hợp đồng thầu phụ với các nhà sản xuất của Ấn Độ. Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ - RBI có chức năng cấp phép cho các văn phòng chi nhánh theo từng trường hợp cụ thể.

8.4 Công ty trách nhiệm hữu hạn

Theo các quy định và điều luật về đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI, các công ty nước ngoài có thể hoạt động tại Ấn Độ bằng cách thành lập công ty liên doanh hoặc công ty tư nhân, có thể thiết lập theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần hữu hạn

Công ty tư nhân: ít bị ràng buộc bởi các quy định về pháp luật. Công ty cổ phần hữu hạn có số thành viên lớn hơn. Một công ty cần phải tổ chức theo các điều khoản của Luật Công ty Ấn Độ ban hành năm 1956 và phải được đăng ký với cơ quan đăng ký thành lập công ty.

9. Văn hóa kinh doanh

Giao tiếp

Mặc dù là một xã hội truyền thống nhưng hoạt động kinh doanh ở Ấn Độ phần lớn vẫn tuân theo các tập quán thương mại quốc tế. Đa đa số người Ấn Độ có các kỹ năng cần thiết như ngôn ngữ (tiếng Anh được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp nói và viết), kỹ năng quản lý, kỹ thuật và khả năng thương thuyết thành thạo.

Việc tiếp đãi đối tác làm ăn hoặc khách hàng phần lớn không tiến hành tại nhà.

Trong các cuộc hội họp thì người ta thường sử dụng cách gọi tên người khác một cách trang trọng như “ngài Smith” chứ không dùng tên riêng.

Danh thiếp được trao đổi trong hầu hết các buổi hội họp.

Sự đúng giờ không phải là điểm mạnh của hầu hết những người Ấn Độ, nhưng đó là một đặc điểm mang tính chất văn hóa chứ không phải một hạn chế nghề nghiệp.

Hầu hết các văn phòng chính phủ làm việc 5 ngày trong tuần. Tuy nhiên các doanh nghiệp tư nhân có thể làm việc 5 đến 6 ngày một tuần.

Là một xã hội đa văn hóa và đa tôn giáo, Ấn Độ có rất nhiều ngày lễ hội. Ở những vùng nhất định của Ấn Độ, nhiều sự kiện tôn giáo và hoạt động văn hóa được diễn ra trong nhiều ngày như lễ hội Durga Puja ở West Bengal và các bang lân cận, lễ hội Ganesh Chaturthi ở Maharashtra hay lễ hội Dusshera và Diwali. Vì vậy nên tránh tổ chức các buổi họp trong thời gian của các ngày lễ chính.

Hẹn gặp

- Người Ấn Độ đánh giá cao việc đúng giờ và giữ cam kết. Tuy nhiên nhiều người đến Ấn Độ lấy làm bối rối khi người Ấn Độ thường không để tâm đến việc đúng hẹn. Một trong những lý do của việc này là theo quan điểm của người Ấn Độ, thời gian không được coi là tiêu chuẩn cho việc lên kế hoạch hay chương trình nào đó. Đối với hầu hết những người Ấn Độ thì chương trình và kế hoạch thường tùy theo con người và những sự kiện khác và hoàn toàn có thể thay đổi.
- Khi lên kế hoạch cho cuộc hẹn thì nên sắp xếp trước đó vài tháng. Nếu bạn lên kế hoạch cho cuộc hẹn trước khi đến Ấn Độ thì lưu ý rằng bạn sẽ có mặt tại đó trong một thời gian ngắn. Trước cuộc hẹn vài ngày, bạn nên xác nhận lại một lần nữa.
- Mặc dù không cần thiết lắm, nhưng bạn cũng nên có địa chỉ liên lạc tại Ấn Độ khi hẹn gặp.
- Có một sự khác biệt về văn hóa điển hình trong các bộ ngành của chính phủ và các tổ chức thương mại. Nếu so sánh với các tổ chức thương mại thì hẹn gặp các quan chức chính phủ thường khó hơn rất nhiều. Tuy nhiên tại các phòng ban của chính phủ, thông thường bạn phải hẹn lại hoặc phải chờ trong nhiều giờ đồng hồ trước khi gặp được người cần gặp.
- Hãy chuẩn bị sẵn sàng cho những sự thay đổi trong phút chót về thời gian và địa điểm gặp. Bạn nên để lại thông tin liên lạc cho thư ký của người hẹn gặp để nếu có sự thay đổi thì người ta sẽ thông báo cho bạn.
- Bạn nên cố gắng đến sớm để đúng hẹn. Tại hầu hết các thành phố ở Ấn Độ, đường phố thường rất đông, trong những giờ cao điểm, bạn sẽ mất rất nhiều thời gian để đến được chỗ hẹn.
- Các địa chỉ ở Ấn Độ thường rất rắc rối do cách đánh số của các toà nhà rất khác nhau ở các nơi, ngay cả ở cùng một thành phố. Phức tạp hơn nữa là trong những năm gần đây, đường phố ở nhiều thành phố bị đổi tên. Để tránh bị lạc đường, bạn nên hỏi người hẹn gặp làm thế nào để đến đó.

- Giờ làm việc hành chính thường từ 10h sáng đến 5h chiều. Tuy nhiên tại các thành phố lớn như Mumbai, nhiều nơi bắt đầu làm việc sớm hơn để tránh ách tắc giao thông khi đi lại. Ở các tổ chức thương mại có xu hướng kéo dài ngày làm việc, bắt đầu vào 7h30 sáng và kết thúc lúc 8h tối.
- Thông thường giờ ăn trưa là 1 giờ đồng hồ, từ 12h trưa tới 2h chiều.
- Trong những năm gần đây người ta có xu hướng hẹn gặp vào bữa sáng hoặc bữa trưa để tiện trao đổi công việc.
- Các cuộc hẹn ăn tối rất ít khi dành cho các mục đích làm ăn. Các bữa tối được tổ chức như các buổi chiêu đãi với mục đích chào đón và tìm hiểu lẫn nhau.

Thời gian làm việc

Thời gian làm việc của một tuần khác nhau giữa các cơ quan, ban ngành: Các văn phòng chính phủ làm việc từ thứ 2 đến thứ 7, thứ 7 của tuần thứ 2 trong tháng là ngày nghỉ lễ, hầu hết các tổ chức thương mại đều làm việc 5 ngày rưỡi một tuần, các công ty máy tính và phần mềm làm việc 5 ngày một tuần, nghỉ thứ 7 và chủ nhật.

Thời gian làm việc ở Ấn Độ áp dụng theo lịch dương. Thời gian được viết theo thứ tự ngày/tháng/năm, ví dụ ngày 25 tháng 12 năm 2004 được viết là 25/12/2004.

Tại hầu hết các tổ chức thương mại Ấn Độ, ngân hàng và các phòng ban chính phủ, năm tài chính được tính từ tháng 4 đến tháng 3. Từ cuối tháng 3 là thời gian kết thúc năm tài chính, mọi người rất bận rộn. Nên tránh các cuộc hẹn trong thời gian này. Nhưng MNCs thì lại theo năm tài chính tính từ tháng 1 đến tháng 12.

Thời gian nghỉ

Người Ấn Độ thường đi nghỉ vào mùa hè (tháng 4 – tháng 6) và từ giữa tháng 12 đến giữa tháng 1. Ở miền Bắc và Tây Ấn Độ, người ta thích đi nghỉ vào tháng 10, cùng thời điểm với các lễ hội Dussehra và Pooja.

Ấn Độ có rất nhiều ngày nghỉ, ví dụ ngày Quốc khánh (26/1), ngày độc lập (15/8), ngày Gandhi Jayanti (2/10), Lễ giáng sinh (25/12) theo lịch dương. Các ngày lễ Hindu, Sikh hay ngày lễ của những người theo đạo Hồi, Pongal/ Makar Sankranti, Holi, Idu'l Zuha, Dussehra, Deepawali, Muharram, ngày sinh của Guru Nanak... theo lịch âm. Những ngày lễ này không theo lịch dương, vì vậy bạn nên liên lạc với đại sứ quán hoặc lãnh sự quán Ấn Độ tại địa phương để có được danh sách ngày nghỉ trong năm.

Do Ấn Độ là nước đa văn hóa nên các vùng tổ chức lễ hội với các tôn giáo khác nhau. Mỗi vùng có những ngày lễ riêng. Bạn nên lấy danh sách này từ các phòng du lịch của từng vùng.

Trang phục

- Trong những năm gần đây, phong cách ăn mặc trong công việc của người Ấn Độ đã có những chuyển biến và có sự khác biệt giữa các vùng và các lĩnh vực. Vì vậy

rất khó để có một cái nhìn khái quát về cách ăn mặc sao cho thích hợp trên toàn lãnh thổ Ấn Độ. Tuy nhiên những điểm sau đây sẽ giúp bạn có quyết định thích hợp.

- Trang phục thông thường cho nam giới là complet và cà vạt. Tuy nhiên vì Ấn Độ là nước có khí hậu nóng nên một chiếc áo dài tay với cà vạt cũng có thể chấp nhận được. Điều quan trọng là bạn nên chọn màu sắc trung tính, không tối quá và cũng không sáng quá.
- Trong hầu hết các công ty, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ thông tin, việc ăn mặc thoải mái hơn nhiều. Bạn có thể bắt gặp người ta mặc áo phông, quần bò và đi giày vải. Tuy nhiên nếu là khách, mặc dù không trang trọng thì bạn vẫn nên ăn mặc lịch sự.
- Với phụ nữ nước ngoài, một bộ vét hoặc một chiếc váy dài đến gối là thích hợp nhất. Cổ áo nên cao một chút. Trang phục salwar thích hợp cho nơi công sở.
- Quần bò, áo phông, áo sơ mi cộc tay có thể được chấp nhận cho cả nam và nữ trong những tình huống không trang trọng.
- Bạn có thể mặc quần áo bình thường nếu được mời đến một buổi gặp có tính chất xã hội. Tuy nhiên, nếu một người nước ngoài mặc trang phục Ấn Độ (nam giới mặc kurta-pajama, nữ giới mặc sari hay bộ salwar) thì sẽ rất được đánh giá cao và được xem như một biểu hiện của sự thân thiện.

10. Một số điểm cần lưu ý khác

Đơn vị đo khối lượng và trọng lượng hàng hóa: theo hệ mét

Bảo hiểm: Áp dụng qui định bảo hiểm thương mại thông thường.

Phương thức báo giá và thanh toán: Báo giá thường được ghi theo giá FOB hoặc CIF bằng đồng USD hoặc rupi Ấn Độ, tách riêng cước phí chuyên chở và lệ phí bảo hiểm.

Báo giá cho các cơ quan chính phủ nên ghi cả giá FOB lẫn giá.

Phương thức thanh toán thường được sử dụng là thư tín dụng không hủy ngang. Đối với các hợp đồng chính phủ, thời hạn thanh toán thường được yêu cầu là trong vòng 90 ngày hoặc lâu hơn.

Phần 5. Địa chỉ hữu ích

Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Ấn Độ

General Consulate in Bombay

Địa chỉ: Wajeda House. Gulmohat- Cross Road No7,
Juhu Scheme, Bombay 400 049

Điện Thoại: 620 8589, 620 8549; Fax: 624 8538

Đại sứ quán Ấn Độ tại Việt Nam

Tại Hà Nội:

Địa chỉ: 58-60 Trần Hưng Đạo

Điện thoại: (84)-4-8244989

Fax: (84)-4-8244998

Tại TP.HCM

Địa chỉ: 49 Trần Quốc Thảo

Điện thoại: (84)-8-8294498

Fax: (84)-8-8294495

Thương vụ Việt Nam tại Ấn Độ

Địa chỉ: B5/14, Safdarjung Enclave, New Delhi - 110 029, India

Điện thoại: 91-11-26195986

Fax: 91-11-26109832

Website:

Email: in@mot.gov.vn ,thuongvut@yahoo.co.in

Ban Xúc tiến Đầu tư Nước ngoài

Foreign Investment Promotion Board

Vụ Chính sách và Xúc tiến Công nghiệp – Bộ Công nghiệp (Department of Industrial Policy and Promotion, Ministry of Industry)

Room No 45, Near Gate No 12, Udyog Bhavan

New Delhi 110 011

Tel: (91 11) 2301 4088

Fax: (91 11) 2301 2626

Ban Hỗ trợ Công nghiệp

Secretariat of Industrial Assistance (SIA)

Vụ Chính sách và Xúc tiến Công nghiệp – Bộ Công nghiệp

Department of Industrial Policy and Promotion, Ministry of Industry

Udyog Bhavan

New Delhi 110 011

Tel: (91 11) 2301 1983

Fax: (91 11) 2301 1034

Một số website hữu ích

India Times – www.indiatimes.com

123 India – www.123india.com

Thông tin thị trường– www.indiamarkets.com

Thông tin thị trường trực tuyến – www.indiainfoline.com

Hải Quan Ấn Độ – www.customs.gov.in

Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ (Reserve Bank of India) – www.rbi.org.in/rbisitemap.html

Trung tâm Thông tin Quốc gia (National Informatics Centre) – www.home.nic.in

Ngân hàng Đầu tư và Tín dụng Công nghiệp (Industrial Credit and Investment Bank of India) – www.icici.com

Ngân hàng Phát triển Công nghiệp Ấn Độ (Industrial Development Bank of India) – www.idbi.com

Ngân hàng Xuất nhập khẩu Ấn Độ (Export Import Bank of India) – www.eximbankIndia.com

Bộ Ngoại giao và Thương mại – www.dfat.gov.au/geo/fs/inia.pdf

Trung tâm Thông tin Thương mại Quốc gia (National Centre for Trade Information) – www.ncti-india.com <http://passport.nic.in/missions.htm>

Tổ chức Xúc tiến Thương mại Ấn Độ (India Trade Promotion Organization): <http://www.tradeportalofindia.com>

Tài liệu tham khảo

Thông tin tổng quan về nền kinh tế Ấn Độ tại

- website của Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh www.mofahcm.gov.vn
- www.cia.gov
- www.austrade.gov.au
- www.ecvn.com

Báo cáo thống kê tình hình xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Ấn Độ của Tổng Cục Thống kê Việt Nam, Tổng cục Hải quan Việt Nam và Bộ Công Thương Việt Nam.

Thông tin về khu công nghiệp của Ấn Độ tại website của Tạp chí Công nghiệp - Bộ Công Thương.

Thông tin về tình hình kinh tế, thương mại, đầu tư của Ấn Độ và quan hệ với Việt Nam tham khảo từ các tin, bài viết trên các báo (Đầu tư, Thời báo Kinh tế Việt Nam...), mạng tin kinh tế trong và ngoài nước (Vinanet, Asemconnect, VnExpress, Thông tấn xã Việt Nam)..., công cụ thông tin của các tổ chức cung cấp thông tin nước ngoài (Datamonitor, Trademap, Productmap (ITC)...).